

# Kinh Đại Bát Niết Bàn



## Tập 8

Đoàn Trung Còn & Nguyễn Minh Tiến dịch

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.hoavouu.com>

*Chuyển sang ebook 10-05-2014*

*Người thực hiện :*

*Nguyễn Ngọc Thảo - thao\_ksd@yahoo.com.vn*

*Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn*

*Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

## Mục Lục

**QUYỂN TÁM**

PHẨM TÁNH NHƯ LAI - Phẩm thứ tư

**QUYỂN CHÍN**

PHẨM TÁNH NHƯ LAI - Phẩm thứ tư

**QUYỂN MƯỜI**

PHẨM TÁNH NHƯ LAI - Phẩm thứ tư

---o0o---

**QUYỂN TÁM**

**PHẨM TÁNH NHƯ LAI - Phẩm thứ tư**

**Phần năm**

Thiện nam tử! Kinh Phương đẳng như chất cam lộ, mà cũng như thuốc độc.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Vì sao Như Lai nói rằng kinh Phương đẳng ví như cam lộ mà cũng như thuốc độc?

Phật dạy: Thiện nam tử! Nay ông có muốn biết nghĩa chân thật của tạng Như Lai sâu kín hay chăng?

Bồ Tát Ca-diếp thưa: Nay con quả thật muốn biết nghĩa chân thật của tạng Như Lai sâu kín.

Lúc ấy, đức Phật liền thuyết kệ rằng:

*Có kẻ uống cam lộ,  
Hại mạng mà chết yếu,  
Có kẻ uống cam lộ,  
Đời sống được lâu dài.  
Kẻ uống thuốc độc, sống,  
Người uống thuốc độc, chết.  
  
Vô ngại trí cam lộ,  
Ấy là kinh Đại thừa.  
Kinh Đại thừa như vậy,  
Cũng gọi là độc dược.  
Như bơ sữa, đê-hồ,  
Cùng các món đường phèn.  
Tiêu hóa được là thuốc,  
Không tiêu hóa thành độc.  
Kinh Phương đẳng cũng thế:  
Cam lộ với người trí,*

*Kẻ ngu mê tánh Phật,  
Nếu dùng hóa thành độc.  
Với Thanh văn, Duyên giác,  
Đại thừa là cam lộ.  
Như trong các món ăn,  
Sữa là ngon hơn hết.  
Cũng vậy người tinh tấn,  
Nhờ nương theo Đại thừa,  
Đạt cảnh giới Niết-bàn,  
Thành bậc thánh kiệt xuất.  
Chúng sanh rõ tánh Phật,  
Đều như Ca-diếp đây,  
Uống cam lộ vô thương:  
Không sanh cũng không chết.  
Ca-diếp! Các ông nên,  
Khéo phân biệt Tam quy.  
Tánh của Tam quy đó,  
Thật là tánh của ngã.  
Nếu biết quán sát kỹ:  
Tánh ngã có tánh Phật.  
Nên biết người như vậy,  
Được vào tạng sâu kín,  
Biết ngã và ngã sở,<sup>1</sup>*

*Người ấy đã xuất thế.*

*Tánh Tam bảo, Phật pháp*

*Đáng tôn kính hơn hết.*

*Như ta vừa thuyết kệ,*

*Tánh ấy nghĩa như vậy.*

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp liền đọc kệ rằng:

*Con quả thật không biết,*

*Chỗ quy y Tam bảo.*

*Làm cách nào quy ngưỡng,*

*Bậc cao nhất chẳng sợ?<sup>2</sup>*

*Chẳng biết chỗ Tam bảo,*

*Làm sao tu vô ngã?*

*Nương Phật như thế nào,*

*Cho được sự an ổn?*

*Nương theo pháp thế nào?*

*Xin vì con giảng rõ.*

*Làm sao được tự tại?*

*Làm sao không tự tại?*

*Quy y Tăng thế nào,*

*Được lợi ích cao nhất?*

*Thuyết chân thật thế nào,*

*Đời sau thành Phật đạo?*

*Nếu đời sau chẳng thành,*

*Làm sao nương Tam bảo?*

*Con nay chưa dự biết,*

*Thứ tự việc quy y.*

*Vì sao chưa mang thai,*

*Đã khởi ý có con?*

*Nếu đang khi có thai,*

*Gọi đó là có con.*

*Như con ở trong thai,*

*Ngày sanh còn không lâu,*

*Đó là nghĩa có con.*

*Nghiệp chúng sanh cũng thế.*

*Theo như lời Phật thuyết,*

*Kẻ ngu không hiểu nổi.*

*Do chỗ không hiểu đó,*

*Chịu sanh tử luân hồi.*

*Giả danh ưu-bà-tắc,*

*Chẳng biết nghĩa chân thật.*

*Xin Phật rộng phân biệt,*

*Trừ dứt sạch lòng nghi.*

*Như Lai đại trí huệ,*

*Xin xót thương phân biệt.*

*Thuyết dạy tạng Như Lai,*

*Quý báu và sâu kín.*

Đức Phật liền nói kệ đáp rằng:

*Ca-diếp! Ông nên biết:  
Nay vì ông khai mở,  
Tặng vi diệu sâu kín,  
Khiến ông dứt lòng nghi.  
Hãy hết lòng lắng nghe.  
Ông và chư Bồ Tát,  
Cùng đức Phật thứ bảy,  
Là đồng một danh hiệu.  
Người quy y nơi Phật,  
Ưu-bà-tắc chân chánh,  
Suốt đời chẳng quy y,  
Với các vị thiên thần.  
Người quy y nơi Pháp,  
Liền bỏ việc giết hại.  
Người quy y Thánh tăng,  
Chẳng cầu nơi ngoại đạo.  
Nương Tam bảo như vậy,  
Được chỗ không sợ sệt.*

Bồ Tát Ca-diếp liền đọc kệ bạch Phật rằng:

*Con nương theo Tam bảo,  
Gọi đó là đường chánh.  
Cảnh giới của chư Phật,*

*Tam bảo đều như nhau.  
Thường có tánh đại trí.  
Tánh ngã cùng tánh Phật,  
Vốn không hai, không khác.  
Đạo này, Phật khen ngợi,  
Chỗ chánh tấn ở yên,  
Cũng gọi Chánh biến kiến,  
Nên được Phật ngợi khen.  
Con theo đường Vô thượng,  
Bậc Thiện thế ngợi khen,  
Là cam lộ bậc nhất,  
Vạn hữu thật không có!*

Khi ấy, Phật dạy Bồ Tát Ca-diếp: Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên phân biệt Tam bảo [theo cách] như hàng Thanh văn và phàm phu. Trong pháp Đại thừa không có tướng phân biệt Ba pháp quy y. Vì sao vậy? Ở trong tánh Phật vốn đã có Pháp, có Tăng. Vì muốn hóa độ hàng Thanh văn, phàm phu nên mới phân biệt nói các tướng khác nhau giữa Ba quy y.

Thiện nam tử! Nếu muốn tùy thuận pháp thế gian thì phải phân biệt có Ba pháp quy y. Thiện nam tử! Bồ Tát nên suy xét như thế này: ‘Nay ta đem thân này quy y với Phật. Ví như với thân này ta được thành Phật đạo, khi thành Phật rồi ta chẳng nên cung kính lễ bái, cúng dường chư Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì chư Phật đều bình đẳng như nhau, đều là chỗ quy y của chúng sanh.

Nếu muốn tôn trọng pháp thân xá-lợi,<sup>3</sup> thì nên cung kính các tháp miếu Phật. Vì sao vậy? Vì muốn hóa độ chúng sanh, ta cũng khiến cho chúng sanh đối với thân ta tưởng là tháp miếu mà lễ bái cúng dường. Những chúng sanh như vậy lấy pháp thân ta làm chỗ quy y. Tất cả chúng sanh đều quy y pháp và nguy chẳng chân, ta sẽ lần lượt thuyết cho họ nghe những pháp chân thật. Lại có những kẻ quy y tăng không chân thật, ta sẽ làm vị tăng chân chánh cho họ quy y.

Như có những ai phân biệt Ba chỗ quy y, ta sẽ là chỗ quy y duy nhất cho họ, không có ba chỗ khác nhau.

Đối với kẻ mù từ thuở mới sanh, ta sẽ là mắt của họ.

Đối với hàng Thanh văn, Duyên giác, ta cũng sẽ là chỗ quy y chân thật của họ.’

Thiện nam tử! Vị Bồ Tát như vậy, vì muốn cứu độ vô lượng chúng sanh tà ác cũng như hàng trí giả cho nên làm mọi Phật sự.

Thiện nam tử! Ví như có người khi vào trận chiến đấu khởi lên ý nghĩ rằng: ‘Ở đây ta là người tài giỏi nhất, tất cả quân lính đều nương cậy nơi ta.’

Lại như có vị vương tử suy nghĩ rằng: ‘Ta sẽ khuất phục tất cả các vương tử khác, ta sẽ nối nghiệp bá vương của Đại vương mà được tùy ý hành xử, làm cho các vị vương tử đều phải nương tựa theo ta. Bởi vậy không nên sanh tâm thấp hèn yếu kém.’ Như các vị vua, vương tử, đại thần cũng đều như thế.<sup>4</sup>

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại cũng như thế, khởi ý nghĩ này: ‘Làm sao đem cả ba việc đồng vào một thể với ta?’ Thiện nam tử! Ta chỉ bày ba việc, tức là Niết-bàn. Như Lai đó, gọi là bậc Vô thượng sĩ. Ví như thân người ta, cái đầu là cao nhất, chẳng phải các chi tiết khác như tay, chân... Phật cũng như thế, là bậc cao trội hơn hết, chẳng phải là Pháp, là Tăng. Vì muốn hóa độ hết thấy chúng sanh trong thế gian nên thị hiện các tướng trạng khác nhau, ví như các nấc trong một cái thang vậy. Vì thế nay ông chớ nên thọ trì [theo cách] như kẻ phàm phu ngu si, hiểu biết [phân biệt các] tướng khác nhau của Tam quy. Ở trong Đại thừa, ông hãy quyết đoán một cách mạnh mẽ, nhanh lẹ, như con dao cứng rắn sắc bén vậy.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con vốn đã biết mà thưa hỏi chứ chẳng phải không biết. Đó là con vì hàng Bồ Tát rất dũng mãnh mà thưa hỏi về chỗ hạnh thanh tịnh không uế nhiễm, muốn được Như Lai vì chư Bồ Tát mà phân biệt rộng thuyết sự việc lạ lùng đặc biệt, xưng dương kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Nay Như Lai đem lòng đại bi khéo thuyết diễn, con cũng được trụ yên như vậy trong đó. Chỗ hạnh thanh tịnh của Bồ Tát mà Như Lai thuyết giảng, tức là tuyên thuyết kinh Đại Niết-bàn này vậy.

Bạch Thế Tôn! Nay con cũng sẽ vì chúng sanh mà hiển dương tạng Như Lai sâu kín ấy, con cũng sẽ rõ biết Ba chỗ quy y chân thật. Nếu chúng sanh nào có thể tin nhận kinh Đại Niết-bàn này, liền tự nhiên thấu rõ được Ba chỗ quy y. Vì sao vậy? Vì tạng Như Lai sâu kín vốn có tánh Phật. Những ai tuyên thuyết kinh điển này, thấy đều nói rằng: ‘Trong thân chúng ta đây đều có tánh Phật.’ Những người như vậy, ắt chẳng tìm cầu ba chỗ quy y ở đâu xa. Vì sao vậy?



Trong tương lai, tự thân mình sẽ thành tựu Tam bảo. Vì thế mà hàng Thanh văn, Duyên giác và những chúng sanh khác thấy đều nương theo mình, cung kính lễ bái.

Phật dạy: Thiện nam tử! Chính vì nghĩa ấy nên phải khéo học hỏi tu tập kinh điển Đại thừa.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch rằng: Tánh Phật như vậy không thể nghĩ bàn! Ba mươi hai tướng tốt với tám mươi vẻ đẹp cũng không thể nghĩ bàn!

Lúc ấy, Phật ngợi khen Bồ Tát Ca-diếp: Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông đã thành tựu trí huệ sâu xa sáng suốt. Nay ta lại sẽ vì ông giảng rõ sự thể nhập vào tạng Như Lai.

Nếu ngã là tồn tại, vậy là pháp thường còn chẳng lìa sự khổ. Nếu không có ngã thì việc tu hành thanh tịnh thật chẳng có ích lợi gì.

Nếu nói các pháp thấy đều không có ngã tức là đoạn kiến. Nếu nói rằng có cái ngã tồn tại, tức là thường kiến.

Nếu nói rằng hết thấy các hành đều không thường còn tức là đoạn kiến. Nếu nói rằng các hành đều thường còn, lại cũng là thường kiến.

Nếu nói [tất cả các pháp đều là] khổ tức là đoạn kiến, nếu nói [tất cả các pháp đều là] vui, lại cũng là thường kiến.<sup>5</sup>

Tu tập [theo tư tưởng] tất cả các pháp đều thường tồn sẽ rơi vào đoạn kiến. Tu tập [theo tư tưởng] tất cả các pháp đều đoạn diệt sẽ rơi vào thường kiến. Ví như con sâu đo, phần thân sau phải di chuyển nương theo phần thân trước. Người tu tập [theo các tư tưởng] thường hay đoạn cũng giống như vậy, phải phụ thuộc vào nhân đoạn hay nhân thường.

Vì nghĩa ấy, tu tập các pháp [môn] khác, khổ gọi là bất thiện;<sup>6</sup> tu tập các pháp [môn] khác, lạc gọi là thiện; tu tập các pháp [môn] khác, vô ngã là phiền não; tu tập các pháp [môn] khác, thường gọi là tạng sâu kín của Như Lai, đó là nói Niết-bàn không có nơi nương náu trú ngụ; tu tập các pháp vô thường khác tức là tiền của; tu tập các pháp thường khác là nói Phật, Pháp, Tăng và giải thoát chân chánh.

Nên rõ biết chỗ trung đạo của Phật pháp là như vậy, lìa xa cả hai bên [chấp thường và chấp đoạn] để thuyết pháp chân thật.<sup>7</sup> Những kẻ phàm phu ngu si, nếu đối với pháp này không sanh nghi ngại thì như người bệnh gầy yếu được ăn váng sữa, khí lực liền trở nên nhẹ nhàng, nhanh nhẹn.

Các pháp hữu, vô thể tánh không nhất định, ví như bốn đại, tánh chẳng giống nhau, thường trái ngược nhau. Người thầy thuốc khéo biết được yếu tố nào thái quá thì làm cho nó suy yếu đi.<sup>8</sup>

Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, đối với chúng sanh cũng như người thầy thuốc, biết được thể tướng khác nhau của các phiền não, bèn vì chúng sanh mà dứt trừ, khai mở chỉ bày tạng Như Lai sâu kín, tánh Phật thanh tịnh thường còn không biến đổi.

Nếu nói [tánh Phật] là có, trí huệ lẽ ra không thể nhiễm ô. Nếu nói [tánh Phật] là không tức là nói dối.

Nếu nói [tánh Phật] là có, lẽ ra chẳng nên lặng thinh, cũng chẳng cần tranh luận cãi cọ, chỉ cần hiểu thấu được tánh chân thật của các pháp.

Người phàm phu thường tranh luận cãi cọ nên không hiểu được tạng Như Lai vi diệu sâu kín. Nếu nói lẽ khổ, người ngu liền cho rằng thân này là vô thường, rằng hết thảy đều là khổ, nhưng không biết rằng trong thân vẫn có tánh lạc.

Nếu nói lẽ vô thường, người phàm phu lại cho rằng hết thảy các thân đều là vô thường, ví như ngôi gạch, đồ gốm chưa nung. Người có trí nên phân biệt, chẳng nên cố chấp rằng hết thảy là vô thường. Vì sao vậy? Vì trong thân ta vốn có hạt giống tánh Phật.

Nếu nói lẽ vô ngã, kẻ phàm phu sẽ cho rằng hết thảy pháp Phật đều không có ngã. Người có trí nên phân biệt, nói vô ngã đó chỉ là tên gọi không thật. Biết như vậy rồi, chẳng nên sanh lòng nghi ngại.

Nếu nói rằng tạng Như Lai sâu kín là rỗng không, vắng lặng, người phàm phu nghe vậy bèn nảy sanh quan niệm đoạn diệt. Người có trí nên phân biệt, [rõ biết] Như Lai là thường tồn, chẳng hề biến đổi.

Nếu nói rằng giải thoát ví như ảo hóa, kẻ phàm phu sẽ cho rằng đạt được giải thoát chân thật là dần dần diệt mất. Người có trí nên phân biệt, bậc Sư tử trong loài người<sup>9</sup> tuy có đến có đi nhưng vẫn thường trụ chẳng biến đổi.

Nếu nói rằng vô minh là nhân duyên của các hành, kẻ phàm phu nghe rồi liền phân biệt, nảy sanh ý tưởng [phân biệt] hai pháp minh và vô minh. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là tánh thật.

Nếu nói rằng các hành là nhân duyên của thức, kẻ phàm phu liền cho rằng đó là hai pháp: hành và thức.<sup>10</sup> Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là tánh thật.

Nếu nói các pháp thập thiện, thập ác, nên làm, chẳng nên làm, nẻo lành, nẻo dữ, thiện pháp, ác pháp, kẻ phàm phu sẽ cho rằng đó đều là những pháp đối đãi. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là tánh thật.

Nếu nói rằng nên tu hết thấy các pháp khổ, kẻ phàm phu sẽ cho rằng có hai pháp phân biệt. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là tánh thật.

Nếu nói rằng hết thấy các hành đều là vô thường, tạng Như Lai sâu kín cũng là vô thường, kẻ phàm phu sẽ cho đó là hai pháp đối đãi. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là tánh thật.

Nếu nói rằng hết thấy các pháp đều không có ngã, tạng Như Lai sâu kín cũng không có ngã, kẻ phàm phu sẽ cho đó là hai pháp đối đãi. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là tánh thật.

Ngã và vô ngã, tánh chẳng phải hai. Ý nghĩa của tạng Như Lai sâu kín cũng là như vậy, không thể suy lường, vô lượng vô biên, chư Phật thường khen ngợi. Nay trong kinh này ta đã thuyết dạy hết thấy mọi công đức thành tựu.

Thiện nam tử! Ngã và vô ngã, thể tánh với tướng trạng chẳng phân hai pháp, ông nên cung kính thọ trì như vậy.

Thiện nam tử! Ông cũng nên bền chí thọ trì, niệm tưởng những kinh điển như thế này. Như trước đây trong kinh Đại Bát-nhã Ba-la mật ta cũng đã có thuyết dạy rằng ngã và vô ngã không có hai tướng trạng.

Thiện nam tử! Cũng như do nơi sữa mà sanh ra kem sữa, do nơi kem sữa mà có bơ sống, do nơi bơ sống mà có bơ chín, do nơi bơ chín mà có được đề-hồ. Như vậy, kem sữa là do nơi sữa mà sanh ra, hay là tự nó sanh ra, hay là do nơi món khác mà sanh ra? Cho đến đề-hồ, cũng lại như vậy. Nếu do nơi món khác mà sanh ra, tức là do món ấy làm ra, chẳng phải do nơi sữa mà sanh ra. Nếu chẳng phải do nơi sữa mà sanh ra, thì sữa chẳng có tác dụng gì. Nếu như tự nó sanh ra được, lẽ ra không có việc tuần tự nối tiếp nhau từng món sanh ra! Nếu nối tiếp nhau mà sanh ra, ắt là chẳng sanh ra cùng nhau. Nếu chẳng sanh ra cùng nhau thì năm món ấy ắt chẳng sanh ra cùng lúc. Dù chẳng sanh ra cùng lúc, nhưng nhất định là không phải từ nơi khác mà đến.

Nên biết rằng trong sữa trước đã có sẵn tướng bơ, nhưng vì chất ngọt ở trong đó nhiều nên tướng ấy tự nó chẳng hiện ra được. Cho đến món đề-hồ cũng lại như vậy. Con bò cái kia nhờ ăn uống, nhờ nhân duyên là nước và cỏ, huyết mạch trong thân chuyển biến mà thành sữa. Nếu nó ăn cỏ ngọt, sữa liền trở nên ngọt. Như nó ăn nhảm cỏ đắng, sữa của nó ắt phải đắng. Ở Tuyết Sơn có một thứ cỏ tên là phi-nhị, nếu con bò cái ăn thứ cỏ đó thì sữa liền hóa toàn đề-hồ, chẳng có những màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Do nhân duyên là lúa và cỏ, nên màu sắc và mùi vị của sữa có khác.

Các chúng sanh ở đây, vì nghiệp nhân duyên là sáng suốt và vô minh nên mới phát sanh hai tướng. Nếu vô minh được chuyển hóa thì biến thành sáng suốt. Tất cả các pháp thiện và bất thiện cũng đều như vậy, [thật] không có hai tướng [phân biệt].

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Như Phật vừa nói: ‘Trong sữa có kem sữa.’ Nghĩa ấy là thế nào? Thế Tôn nếu nói rằng trong sữa nhất định có tướng kem, nhưng vì tướng ấy tinh tế nên không thể thấy, vì sao lại nói do nhân duyên là sữa mà sanh ra kem sữa? Như pháp vốn không có, mới gọi là sanh; nếu đã sẵn có, sao gọi là sanh? Nếu nói rằng trong sữa nhất định có tướng kem, thì ở trong hết thấy các loại cỏ, lẽ ra cũng sẵn có chất sữa. Cũng vậy, trong sữa lẽ ra cũng sẵn có cỏ. Như nói rằng trong sữa nhất định không có kem sữa, vì sao nhờ nơi sữa lại sanh ra kem? Nếu [kem sữa] là pháp vốn không có, sau đó mới sanh ra, vậy sao trong sữa lại chẳng sanh ra cỏ?

Phật dạy: Thiện nam tử! Không thể nói nhất định rằng trong sữa có kem hay trong sữa không có kem. Cũng không thể nói rằng do thứ khác mà sanh ra. Nếu nói rằng trong sữa nhất định có kem, tại sao hai món ấy hình thể và mùi vị khác nhau? Vậy nên không thể nói chắc rằng trong sữa đã có sẵn tánh chất kem. Nếu nói rằng trong sữa nhất định không có kem, tại sao từ nơi sữa chẳng sanh ra [những thứ khác như] sừng thỏ? Khi người ta bỏ chất độc vào sữa thì món kem có thể làm chết người. Vậy nên không thể nói rằng trong sữa nhất định không có tánh chất kem. Nếu nói rằng kem do thứ khác mà sanh ra, tại sao nước lã chẳng sanh ra kem? Vậy nên không thể nói rằng kem do thứ khác sanh ra.

Thiện nam tử! Do nhân duyên là cỏ mà con bò cái đã ăn vào, máu của nó chuyển hóa ra màu trắng; khi cỏ và máu đã không còn nữa, nhờ phước lực của chúng sanh mà [chúng] chuyển hóa thành sữa. Sữa ấy do nơi cỏ và máu [bò] mà ra, nhưng không thể nói là hai [thứ khác biệt], chỉ có thể nói là do nhân duyên mà sanh ra thôi. Từ món kem cho tới món đề-hồ cũng đều như vậy. Vì nghĩa ấy cho nên gọi là món ăn do loài bò cung cấp. Món sữa ấy không còn nữa khi có đủ nhân duyên chuyển thành món kem. Nhân duyên là những gì? Như men, như hơi ấm... Vậy nên gọi là do nhân duyên mà có. Cho đến món đề-hồ cũng là như vậy. Cho nên không thể nói nhất định rằng trong sữa không có tướng kem. Nếu

nói ngoài món sữa mà có thể do nơi món khác sanh ra từ món kem cho đến món đề-hồ thì thật là vô lý!

Thiện nam tử! Sự sáng suốt với vô minh cũng vậy. Nếu kết hợp với các mối phiền não trói buộc, đó gọi là vô minh. Nếu kết hợp với tất cả pháp lành, đó gọi là sáng suốt. Cho nên ta nói rằng không có hai tướng. Bởi nhân duyên ấy, trước đây ta có nói rằng: Tuyết sơn có thứ cỏ tên là phì-nhị, nếu bò cái ăn thứ cỏ ấy thì sữa của nó biến thành đề-hồ. Tánh Phật cũng là như thế.

Thiện nam tử! Vì chúng sanh bạc phước nên chẳng thấy loài cỏ ấy. Tánh Phật cũng vậy, do phiền não che lấp nên chúng sanh chẳng thấy được. Ví như biển cả, tuy cùng một vị mặn, nhưng trong đó lại có một thứ nước ngon quý có vị như sữa. Ví như Tuyết sơn, tuy thành tựu đủ các công đức, sanh ra nhiều loại thuốc, nhưng cũng có loài cỏ độc. Thân chúng sanh cũng vậy, tuy có bốn đại như loài rắn độc, nhưng trong thân ấy cũng có loài thuốc cực kỳ hay quý: đó là tánh Phật, chẳng phải là pháp do người làm ra, chỉ vì phiền não từ bên ngoài che lấp mất mà thôi. Nếu người dù thuộc hàng sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá hay thủ-đà, có thể dứt trừ những phiền não ấy thì đều thấy được tánh Phật, thành đạo Vô thượng.

Giống như khi trời có sấm sét chuyển mưa thì trên tất cả ngà voi đều sanh ra những vân hoa.<sup>11</sup> Nếu chẳng có sấm sét, vân hoa ấy tất không sanh ra, cũng chẳng có tên gọi. Tánh Phật của chúng sanh cũng vậy, thường bị hết thảy phiền não che lấp, không thể thấy được. Cho nên ta nói rằng chúng sanh không có ngã.

Nếu được nghe kinh điển vi diệu Đại Bát Niết-bàn này, ắt sẽ thấy được tánh Phật, như vân hoa trên ngà voi. Tuy được nghe hết thảy Tam-muội của khế kinh<sup>12</sup> nhưng chẳng nghe được kinh này thì chẳng biết được tướng vi diệu Như Lai, cũng như không có sấm sét thì chẳng thấy được vân hoa trên ngà voi.

Nếu nghe được kinh này tức là biết được tánh Phật trong tạng sâu kín mà hết thảy các vị Như Lai đều thuyết dạy, cũng như khi trời có sấm sét liền thấy vân hoa trên ngà voi.

Nếu nghe được kinh này liền rõ biết hết thảy vô lượng chúng sanh đều có tánh Phật. Vì nghĩa ấy nên nói rằng Đại Niết-bàn gọi là tạng sâu kín của Như Lai, làm cho pháp thân tăng trưởng, cũng như khi có sấm sét thì những vân hoa trên ngà voi có thể phát triển.

Vì nghĩa lớn lao ấy nên gọi là Kinh Đại Bát Niết-bàn. Như có kẻ nam người nữ nào có thể học hỏi làm theo kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này, nên biết rằng những người ấy có thể báo đáp ơn Phật, thật là đệ tử Phật.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: Kỳ lạ thay, Thế Tôn! Tánh Phật mà Phật thuyết dạy đó rất thâm sâu, khó thấy, khó thể nhập, như sức của hàng Thanh văn, Duyên giác thật chẳng thấu nổi.

Phật dạy: Thiện nam tử! Đúng vậy, đúng vậy! Như chỗ xung tán của ông đó không trái lời dạy của ta.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tánh Phật ấy thế nào là rất thâm sâu, khó thấy, khó thể nhập?

Phật dạy: Thiện nam tử! Như có trăm người mù, vì trị bệnh mắt nên tìm đến lương y. Lúc ấy, vị lương y dùng cái lược vàng mà cào lấy màng mắt họ ra, rồi đưa lên một ngón tay, hỏi rằng: ‘Thấy không?’ Người mù nói: ‘Tôi còn chưa thấy.’ Lại đưa lên hai ngón, ba ngón, người mù mới nói rằng đã thấy chút ít.

Thiện nam tử! Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng như vậy đó, khi Như Lai chưa thuyết dạy, vô lượng Bồ Tát tuy đã thực hành đủ các hạnh ba-la-mật,<sup>13</sup> cho đến hàng Thập trụ<sup>14</sup> vẫn còn chưa thấy được tánh Phật sẵn có. Đến khi Như Lai thuyết dạy rồi, họ liền thấy được đôi chút. Các vị Đại Bồ Tát ấy được thấy [tánh Phật] rồi, thấy đều nói rằng: ‘Lạ thay, Thế Tôn! Chúng con lưu chuyển biết bao lần trong sanh tử, thường bị lẽ vô ngã làm cho làm lạc, mê loạn.’

Thiện nam tử! Các vị Bồ Tát như vậy, chúng đắc Thập địa còn chưa thấy rõ được tánh Phật, hưởng chi hàng Thanh văn, Duyên giác lại có thể thấy được hay sao?

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người nhìn lên con ngỗng trời, con nhận đang bay trên không. Đó là hư không chăng? Là ngỗng trời, là nhận chăng? Nhìn kỹ hồi lâu mới thấy phảng phất hình con ngỗng trời, con nhận. Hàng Bồ Tát Thập trụ lại cũng như thế, đối với tánh Như Lai, chỉ thấy biết đôi chút mà thôi, hưởng chi người trong hàng Thanh văn, Duyên giác lại thấy biết được sao?

Thiện nam tử! Ví như người say rượu kia, chân muốn đi xa, nhưng mắt chỉ thấy mập mờ đường đi. Hàng Bồ Tát Thập trụ cũng vậy, đối với tánh Như Lai chỉ thấy biết đôi chút mà thôi.

Thiện nam tử! Ví như người khát nước đi giữa đồng hoang. Người ấy khổ bức vì khát, đi khắp nơi tìm nước, thấy một đám cây, trên có những con hạc trắng. Người ấy đang mê muội, chẳng phân biệt được ấy là cây hay là nước. Nhìn kỹ hồi lâu mới biết là hạc trắng với đám cây. Thiện nam tử! Hàng Bồ Tát Thập trụ cũng vậy, đối với tánh Như Lai chỉ thấy biết một phần rất nhỏ mà thôi.

Thiện nam tử! Ví như có người ở giữa biển cả, rộng đến vô lượng trăm ngàn do-tuần. Người ấy từ xa trông thấy một chiếc thuyền lớn, có đủ lầu gác và những mái chèo, liền nghĩ rằng: ‘Đó là lầu gác, mái chèo hay là hư không?’ Nhìn hồi lâu mới chắc quyết trong lòng, biết đó là lầu gác và những mái chèo. Hàng Bồ Tát Thập trụ, tự trong thân mình thấy được tánh Như Lai cũng giống như vậy.

Thiện nam tử! Ví như có vị vương tử thân thể rất yếu đuối, suốt đêm đi chơi bờ, thức cho đến sáng trắng. Bấy giờ, mắt nhìn tất cả chẳng thấy gì tỏ rõ. Hàng Bồ Tát Thập trụ, tuy nơi thân mình thấy được tánh Như Lai nhưng cũng như vậy, không được tỏ rõ.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một người thư lại<sup>15</sup> của vua, vì bận việc giúp vua đến giữa đêm mới trở về nhà. Nhân khi trời chớp lóe, nhìn thấy một bầy bò, liền nghĩ rằng: ‘Đó là bò chăng? Hay là đám mây, nhà cửa?’ Nhìn một hồi lâu, rồi tuy cũng cho đó là bò nhưng vẫn còn chưa chắc quyết. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy nơi thân mình thấy được tánh Như Lai, nhưng cũng như vậy, vẫn còn chưa chắc quyết.

Lại nữa, thiện nam tử! Như vị tỳ-kheo trì giới, nhìn vào bát nước không có trùng nhưng lại thấy tướng trùng. Bèn nghĩ rằng: ‘Trong này có vật lay động, đó là trùng chăng? Hay là bụi đất?’ Nhìn một hồi lâu, tuy biết đó là bụi nhưng cũng không biết một cách thật tỏ rõ. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy nơi thân mình thấy được tánh Như Lai, nhưng cũng giống như vậy, chẳng thấy thật tỏ rõ.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một người ở trong bóng tối, thoáng thấy đũa trẻ liền nghĩ rằng: ‘Đó là con bò, chim thú, hay là người ta?’ Nhìn một hồi lâu, mặc dù thấy là đũa trẻ nhưng cũng không thấy được một cách tỏ rõ. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy ở nơi thân mình thấy được tánh Như Lai, nhưng cũng như thế, không thấy được một cách tỏ rõ.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có người ở trong đêm tối, thấy bức tượng vẽ Bồ Tát liền nghĩ rằng: ‘Đó là tượng Bồ Tát, tượng Tự Tại Thiên hay là tượng Đại Phạm Thiên mặc áo nhuộm vậy?’ Nhìn một hồi lâu, tuy trong ý biết là tượng Bồ Tát, nhưng cũng không quyết định một cách tỏ rõ. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy ở nơi thân mình thấy được tánh Như Lai, nhưng cũng như thế, không thấy được một cách tỏ rõ.

Thiện nam tử! Tánh Phật sẵn có như vậy rất thâm sâu, khó thấy biết được, chỉ có Phật thấy biết rõ được, còn hàng Thanh văn, hàng Duyên giác không thể đạt tới. Thiện nam tử! Người có trí nên biết phân biệt hiểu tánh Như Lai như thế.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tánh Phật như vậy thật vi tế, khó thấy. Làm sao mắt phàm có thể thấy được?

Phật bảo Ca-diếp: Thiện nam tử! Như cõi trời Phi tướng phi phi tướng kia, người trong Hai thừa cũng không biết nổi, nhưng nhờ có lòng tin theo [những điều thuyết dạy trong] Khế kinh mà có thể biết được.

Thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác nhờ tin theo kinh Đại Niết-bàn này mà tự biết trong thân mình có tánh Như Lai, việc này cũng vậy. Thiện nam tử! Vậy nên phải tinh cần tu tập kinh Đại Niết-bàn. Thiện nam tử! Tánh Phật như vậy chỉ có Phật mới biết được, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể đạt tới.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Hàng phàm phu có tánh chúng sanh chưa chứng thánh thấy đều nói là có ngã. [Nghĩa ấy là thế nào?]

Phật dạy: Ví như có hai người bạn thân, một người là con vua, người kia con nhà nghèo hèn. Hai người ấy cùng qua lại chơi thân với nhau. Bấy giờ, người nghèo thấy vị vương tử có một con dao rất tốt, xinh đẹp vô cùng, trong lòng lấy làm ham thích. Về sau, vương tử mang dao ấy trốn sang nước khác. Người nghèo lại đến nhà khác ngủ nhờ một đêm, khi nằm mộng nói mê rằng: ‘Dao! Dao!’ Người gần bên nghe vậy, liền bắt mang đến chỗ vua. Lúc ấy, vua hỏi người ấy rằng: ‘Nhà ngươi nói dao, vậy dao đó ngươi được ở đâu?’ Người ấy đem việc trước thuật lại đầy đủ, tâu rằng: ‘Như nay bệ hạ có cắt xẻo thân thể tôi, phân rã tay chân tôi để tìm dao ấy, thật cũng chẳng có. Vị vương tử kia với tôi vốn là bạn thân, trước cùng nhau chung sống. Tuy mắt tôi thường trông thấy dao, nhưng chẳng dám sờ đến, huống chi là giữ lấy?’ Vua lại hỏi: ‘Trong lúc ngươi nhìn thấy dao, hình dạng nó giống như cái gì?’ Đáp rằng: ‘Đại vương! Thân trông thấy giống như cái sừng dê đen.’ Vua nghe vậy rồi, vui cười nói rằng: ‘Nay ngươi có thể tùy ý ra đi, đừng lo sợ chi cả. Trong kho tàng của ta còn không có con dao như vậy, huống chi ngươi lại thấy nó khi ở bên vương tử?’

Lúc ấy, vua liền hỏi quần thần rằng: ‘Các khanh có từng thấy con dao như thế không? Vua vừa hỏi xong thì băng hà. Triều đình lập một vị vương tử khác lên nối ngôi vua. Vua mới lại hỏi các quan triều thần rằng: ‘Các khanh có từng thấy con dao như thế trong kho chǎng?’ Các quan đáp: ‘Chúng tôi đã từng thấy.’ Vua lại hỏi: ‘Hình dạng nó giống như cái gì?’ Đáp rằng: ‘Đại vương! Nó giống như cái sừng dê đen.’ Vua nói: ‘Trong kho tàng của ta, chỗ nào lại có con dao hình dạng như thế?’ Lần lượt bốn vị vua nối tiếp nhau đều tra tìm nhưng không biết được gì.

Sau đó một thời gian, vị vương tử đã trốn đi ngày trước lại từ nước ngoài trở về, được lập làm vua. Khi đã lên ngôi vua rồi lại hỏi các quan rằng: ‘Các khanh có thấy con dao ấy chǎng?’ Đáp rằng: ‘Đại vương! Chúng tôi đều có



thấy.’ Vua lại hỏi: ‘Nó giống như vật chi?’ Đáp rằng: ‘Đại vương! Màu sắc nó trong sạch như hoa ưu-bát-la. Lại có người nói: ‘Nó như cái sừng dê.’ Lại có người khác nói: ‘Màu sắc nó đỏ hồng như lửa.’ Lại có kẻ nói: ‘Nó giống như con rắn đen.’ Lúc ấy vua bật cười lớn, nói rằng: ‘Các khanh thầy đều chẳng thấy được hình dạng thật con dao của ta.’

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát lại cũng như vậy, xuất hiện ở đời thuyết dạy tướng thật của cái ngã. Thuyết xong liền rời đi, cũng ví như vị vương tử cầm con dao quý đẹp mà trốn sang nước khác. Kẻ phàm phu ngu si nói rằng: ‘Tất cả đều có ngã, có ngã’, cũng ví như người nghèo ngủ ở nhà người khác nói mê rằng: ‘Dao! Dao!’ Hàng Thanh văn, Duyên giác hỏi chúng sanh rằng: ‘Tướng của cái ngã như thế nào?’ Đáp rằng: ‘Tôi thấy tướng cái ngã lớn bằng ngón tay cái.’ Có kẻ lại nói: ‘Nó như hạt gạo, hoặc như hạt lúa lép.’ Cũng có kẻ nói: ‘Cái ngã ở trong tim, chiếu sáng như mặt trời.’ Những chúng sanh ấy chẳng biết tướng của cái ngã, cũng như các vị quan kia chẳng biết hình dạng của con dao. Bồ Tát thuyết dạy tướng ngã như vậy, kẻ phàm phu chẳng hiểu biết, phân biệt ra nhiều cách, tự tạo ra tướng ngã, cũng như hỏi về hình dạng con dao mà đáp rằng giống như sừng dê! Những kẻ phàm phu ấy nối tiếp nhau mà khởi lên các tà kiến. Vì muốn dứt trừ các tà kiến ấy, nên Như Lai mới thị hiện thuyết dạy lẽ vô ngã, cũng như vua kia nói với các quan rằng: ‘Trong kho tàng của ta chẳng hề có con dao như vậy.’

Thiện nam tử! Cái ngã chân thật mà hôm nay Như Lai thuyết dạy gọi là tánh Phật. Tánh Phật như vậy trong Phật pháp ví như con dao quý đẹp. Thiện nam tử! Như có kẻ phàm phu có thể khéo giảng nói tánh Phật, tức là tùy thuận pháp Phật vô thượng. Nếu có kẻ khéo phân biệt, tùy thuận tuyên thuyết giảng tánh Phật, nên biết rằng đó chính là Bồ Tát hiện tướng.

<sup>16</sup>[Phật bảo Bồ Tát Ca-diếp]: Thiện nam tử! Hết thầy các môn luận khác, cùng những chú thuật, ngôn ngữ, văn tự, đều là thuyết của Phật, chẳng phải của ngoại đạo.<sup>17</sup>

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Như Lai thuyết dạy căn bản của chữ?

Phật dạy: Thiện nam tử! Ban sơ ta thuyết dạy nửa chữ, lấy đó làm căn bản. Thọ trì các sách luận, chú thuật, văn chương, pháp thật của các âm. Kẻ phàm phu học căn bản của chữ như vậy, rồi sau mới có thể phân biệt được là đúng pháp hay không đúng pháp.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: Thế Tôn! Chữ mà Phật dạy đó ý nghĩa như thế nào?

Thiện nam tử! Có mười bốn âm, gọi là nghĩa của chữ. Chữ được nói ở đây gọi là Niết-bàn, thường trụ nên không lưu chuyển. Nếu không lưu chuyển ắt là không dứt mất. Nếu là không dứt mất tức là thân kim cương của Như Lai. Mười bốn âm này gọi là căn bản của chữ.<sup>18</sup>

Âm ác<sup>19</sup> nghĩa là không bị phá hoại. Không bị phá hoại gọi là Tam bảo, ví như chất kim cương. Lại nữa, ác nghĩa là không lưu chuyển, rỉ chảy. Không lưu chuyển, rỉ chảy, tức là Như Lai. Chín lỗ<sup>20</sup> của Như Lai không có những chất rỉ chảy, cho nên gọi là không rỉ chảy. Lại nữa, không có chín lỗ nên không lưu chuyển. Không lưu chuyển tức là thường. Thường tức là Như Lai. Như Lai không tạo tác cho nên không lưu chuyển. Lại nữa, ác nghĩa là công đức. Công đức tức là Tam bảo. Vì thế nên gọi là ác.

Âm a tức là A-xà-lê. A-xà-lê nghĩa là gì? Nghĩa là ở trong thế gian được xưng là thánh. Sao gọi là thánh? Thánh, gọi là không dính mắc, ít ham muốn, biết đủ, cũng gọi là trong sạch, có thể cứu độ chúng sanh vượt ra ngoài Ba cõi,<sup>21</sup> vượt khỏi biển lớn sanh tử. Đó gọi là thánh.

Lại nữa, a<sup>22</sup> nghĩa là tiết chế điều độ, tu trì giới hạnh trong sạch, thuận theo oai nghi. Lại nữa, a nghĩa là nương theo bậc thánh, nên học mọi oai nghi trong việc tới lui, cử động, cúng dường, cung kính lễ bái Tam Tôn,<sup>23</sup> hiếu dưỡng cha mẹ, tu học Đại thừa. Những kẻ nam người nữ lòng lành giữ đủ các giới cấm cùng các vị đại Bồ Tát đều gọi là bậc thánh. Lại nữa, a gọi là răn dạy, như nói rằng: ‘Các ông nên làm việc như thế này, đừng làm việc như này.’ Như ai có thể ngăn chặn những pháp trái oai nghi, gọi là bậc thánh. Vì thế nên gọi là a.

Âm ức<sup>24</sup> tức là tánh Phật,<sup>25</sup> là hạnh trong sạch rộng lớn không như bọt, dường như vầng trăng tròn. [Đó là nghĩa phân biệt] các ông nên làm như thế này, không nên làm như thế này, thế này là đúng nghĩa, thế này là trái nghĩa, thế này là Phật thuyết, thế này là ma thuyết. Vì thế nên gọi là ức.

Âm y<sup>26</sup> tức là pháp Phật vi diệu, thâm sâu khó được. Như pháp của các vị vua trời Tự Tại, vua trời Đại Phạm thì gọi là tự tại. Như có thể gìn giữ pháp tất được xưng là hộ pháp. Lại nữa, tự tại cũng gọi là bốn vị hộ thế. Bốn vị tự tại<sup>27</sup> như vậy ắt có thể gìn giữ bảo vệ kinh Đại Niết-bàn, lại cũng có thể tuyên thuyết giảng rộng một cách tự tại.

Lại nữa, y nghĩa là có thể vì chúng sanh thuyết pháp một cách tự tại. Lại nữa, y nghĩa là tự tại mà thuyết những gì? Đó là thuyết việc tu tập kinh điển Phương đẳng. Lại nữa, y nghĩa là dứt trừ tật đó, cũng như người ta nhổ bỏ cỏ xấu, khiến cho tất cả đều trở nên tốt lành. Vì thế nên gọi là y.

Âm ức<sup>28</sup> nghĩa là cao quý nhất, vượt hơn tất cả, phát triển cao nhất trong hết thảy các kinh là Đại Niết-bàn. Lại nữa, ức nghĩa là tánh Như Lai, hàng

Thanh văn, Duyên giác chưa từng được nghe. Ví như trong khắp thầy các chốn, cõi Uất-đan-việt về phương bắc là vượt trội hơn hết; nếu Bồ Tát được nghe và thọ trì kinh này thì vượt trội hơn hết trong tất cả chúng. Vì nghĩa ấy, kinh này được gọi là cao quý nhất, vượt trội hơn hết. Vì thế nên gọi là úc.

Âm ưu,<sup>29</sup> ví như vị của sữa bò là hơn hết trong các vị. Tánh Như Lai lại cũng như thế, là cao quý nhất, hơn hết trong tất cả các kinh, nếu có ai phỉ báng thì nên biết rằng người ấy chẳng khác chi loài bò. Lại nữa, ưu nghĩa là người như thế không có trí huệ, chánh niệm, phỉ báng tạt vi diệu sâu kín của Như Lai. Nên biết rằng người này rất đáng thương xót, lìa xa tạng sâu kín của Như Lai mà nói pháp vô ngã. Vì thế nên gọi là ưu.

Âm yên<sup>30</sup> tức là Niết-bàn, tánh pháp của chư Phật. Vì thế nên gọi là yên.

Âm huê là nghĩa Như Lai. Lại nữa, huê tức là trong mọi việc tới lui dừng nghỉ, co lại duỗi ra, mọi cử động của Như Lai không gì là không lợi ích cho hết thầy chúng sanh. Vì thế nên gọi là huê.

Âm ô gọi là nghĩa phiền não. Phiền não gọi là các lậu. Như Lai đã vĩnh viễn đoạn trừ hết thầy phiền não. Vì thế nên gọi là ô.

Âm bào là nghĩa Đại thừa, là nghĩa rốt ráo trong mười bốn âm. Kinh điển Đại thừa lại cũng như vậy, là rốt ráo trong các kinh luật. Vì thế nên gọi là bào.

Âm am là có thể ngăn che hết thầy những vật bất tịnh, ở trong Phật pháp có thể xả bỏ hết thầy vàng bạc, vật báu. Vì thế nên gọi là am.

Âm a là nghĩa thừa vượt trội hơn hết. Vì sao vậy? Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này là vượt trội hơn hết trong các kinh. Vì thế nên gọi là a.

Âm ca là khởi lòng đại từ bi đối với chúng sanh, xem như con ruột của mình, như Phật đối với La-hầu-la, tạo nên ý nghĩa màu nhiệm hiền thiện. Vì thế nên gọi là ca.

Âm khư gọi là chẳng phải bạn hiền. Chẳng phải bạn hiền gọi là dơ xấu, tạp nhạp, chẳng tin vào tạng sâu kín của Như Lai. Vì thế nên gọi là khư.

Âm già gọi là kho chứa. Kho chứa đó là tạng Như Lai sâu kín: Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Vì thế nên gọi là già.

Âm kính là âm thanh thường còn của Như Lai. Cái gì gọi là âm thanh thường còn của Như Lai? Đó là Như Lai thường trụ chẳng biến đổi. Vì thế nên gọi là kính.

Âm nga là tướng hư hoại của tất cả các hành. Vì thế nên gọi là nga.

Âm già tức là nghĩa tu sửa. Điều phục hết thầy chúng sanh nên gọi là nghĩa tu sửa. Vì thế nên gọi là già.

Âm xa là Như Lai che mát hết thầy chúng sanh, ví như cái lọng lớn. Vì thế nên gọi là xa.

Âm xà là giải thoát chân chánh, không có tướng già yếu. Vì thế nên gọi là xà.

Âm thiện là phiền não bao che rậm rạp, ví như rừng rậm. Vì thế nên gọi là thiện.

Âm nhã là nghĩa trí huệ, biết tánh pháp chân thật. Vì thế nên gọi là nhã.

Âm trá là trong cõi Diêm-phù-đề thị hiện một nửa thân mà diễn thuyết pháp, ví như một nửa mặt trăng. Vì thế nên gọi là trá.

Âm thoa là pháp thân đầy đủ, ví như trăng tròn. Vì thế nên gọi là thoa.

Âm trà, ấy là hạng tăng ngu si, chẳng biết những lẽ thường, vô thường, ví như trẻ con. Vì thế nên gọi là trà.

Âm tử là chẳng biết ơn thầy, ví như con dê đực. Vì thế nên gọi là tử.

Âm noa là chẳng phải nghĩa thánh, ví như ngoại đạo. Vì thế nên gọi là noa.

Âm đa là nghĩa Như Lai ở nơi đó bảo các vị tỳ-kheo rằng: ‘Nên lia sự kính sợ, ta sẽ vì các ông mà thuyết pháp vì diệu.’ Vì thế nên gọi là đa.

Âm tha gọi là nghĩa ngu si. Chúng sanh lưu chuyển sanh tử, quay lộn như con tằm, con bọ hung.<sup>31</sup> Vì thế nên gọi là tha.

Âm đà gọi là bố thí lớn, là nói Đại thừa. Vì thế nên gọi là đà.

Âm đàn là xưng tán công đức, đó là nói Tam bảo, như núi Tu-di cao ngất, rộng lớn, không thể nghiêng ngã. Vì thế nên gọi là đàn.

Âm na là Tam bảo trụ yên, không nghiêng ngã lay động, ví như cái then cửa. Vì thế nên gọi là na.

Âm ba gọi là nghĩa điên đảo. Như nói rằng: ‘Tam bảo thầy đều diệt hết’, nên biết rằng người này tự sanh nghi hoặc. Vì thế nên gọi là ba.

Âm pha là tai ương của thế gian. Như nói rằng: ‘Lúc thế gian khởi tai ương, Tam bảo cũng diệt mất.’ Nên biết rằng người này ngu si không trí huệ, trái nghịch ý thánh. Vì thế nên gọi là pha.

Âm bà gọi là Mười sức<sup>32</sup> của Phật. Vì thế gọi là bà.

Âm phạm gọi là gánh vác việc nặng nề, có thể nhận lãnh gánh vác Chánh pháp vô thượng. Nên biết người này là Đại Bồ Tát. Vì thế nên gọi là phạm.

Âm ma là sự tiết chế, điều độ nghiêm ngặt và cao cả của các vị Bồ Tát, đó là nói Đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Vì thế nên gọi là ma.

Âm da là nghĩa các vị Bồ Tát bất kỳ ở đâu cũng vì chúng sanh giảng nói pháp Đại thừa. Vì thế nên gọi là da.

Âm ra là nghĩa có thể phá trừ tham dục, sân khuê, ngu si, giảng nói pháp chân thật. Vì thế nên gọi là ra.

Âm la gọi là thừa Thanh văn chuyển động chẳng dừng, còn Đại thừa trụ yên nên không nghiêng ngã lay động. Là bỏ thừa Thanh văn, tinh cần tu tập Đại thừa vô thượng. Vì thế nên gọi là la.

Âm hòa là nghĩa Như Lai Thế Tôn vì chúng sanh tuôn mưa pháp lớn, đó là nói các loại chú thuật, kinh sách của thế gian. Vì thế nên gọi là hòa.

Âm xa là nghĩa lia xa ba mũi tên.<sup>33</sup> Vì thế nên gọi là xa.

Âm sa gọi là nghĩa đầy đủ. Như ai nghe được kinh Đại Niết-bàn này, hẳn là đã được nghe và thọ trì hết thảy kinh điển Đại thừa. Vì thế nên gọi là sa.

Âm ta là nghĩa vì chúng sanh diễn thuyết Chánh pháp, khiến cho trong lòng vui vẻ. Vì thế nên gọi là ta.

Âm ha gọi là nghĩa trong lòng vui vẻ. Lại thay, đức Thế Tôn lia tất cả các hành. Lại thay! Như Lai nhập đại Niết-bàn! Vì thế nên gọi là ha.

Âm trà gọi là nghĩa của ma. Vô số các ma không thể hủy hoại tạng Như Lai sâu kín. Vì thế nên gọi là trà. Lại nữa, trà là nghĩa cho đến việc tùy thuận thế gian, thị hiện có cha mẹ, vợ con. Vì thế nên gọi là trà.

Âm chữ lỗ, lưu, lư, lâu có bốn nghĩa: Phật, Pháp, Tăng và pháp đối đãi. Nói pháp đối đãi tức là tùy thuận thế gian. Ví như Điều-bà-đạt<sup>34</sup> thị hiện phá hoại chúng tăng, hóa ra mọi thứ hình mạo sắc tượng vì người muốn chế định giới luật. Người có trí huệ thông suốt chẳng nên sanh lòng sợ sệt đối với việc ấy. Đó gọi là hạnh tùy thuận thế gian. Vì thế nên gọi là lỗ, lưu, lư, lâu.

Không khí đưa vào nơi lưỡi lại tùy theo mũi tạo thành âm thanh, tiếng phát ra có dài, có ngắn, tùy theo đó mà hiểu nghĩa. Điều là do ở lưỡi và răng mà có sự khác biệt nhau. Nghĩa của chữ như thế có thể làm cho khẩu nghiệp của chúng sanh trở nên trong sạch. Tánh Phật của chúng sanh chẳng phải như vậy, chẳng phải nhờ ở văn tự rồi sau mới trở nên trong sạch. Vì sao vậy? Vì tánh vốn là trong sạch. Tuy ở trong các âm, nhập, giới,<sup>35</sup> nhưng chẳng đồng với âm, nhập, giới. Vì thế mà chúng sanh đều nên quy y nơi tự tánh.

Các vị Bồ Tát do nơi tánh Phật nên nhìn tất cả chúng sanh không có sự khác biệt nhau. Do đó mà nửa chữ là căn bản của kinh thơ, ký luận, văn chương. Lại nữa, nghĩa của nửa chữ tức là căn bản của những lời thuyết dạy về phiên nào. Vì thế nên gọi là nửa chữ. Còn trọn chữ mới là căn bản của tất cả những lời thuyết dạy về thiện pháp.

Ví như ở thế gian, kẻ làm điều ác thì gọi là ‘chẳng nên người’, kẻ tu điều thiện được gọi là ‘nên người’. Hết thấy kinh thơ, ký luận như vậy đều là do nơi nửa chữ là căn bản. Nếu nói rằng Như Lai và giải thoát chân chánh đều ở trong nửa chữ thì thật vô lý. Vì sao vậy? Vì lìa khỏi văn tự. Cho nên Như Lai đối với hết thấy các pháp đều không ngăn ngại, không vướng mắc, thật được giải thoát.

Sao gọi là hiểu rõ nghĩa của chữ? Có người biết rằng Như Lai xuất hiện ở thế gian có thể trừ bỏ nửa chữ, nên gọi là hiểu rõ nghĩa chữ. Như có người chấp chặt nơi nghĩa của nửa chữ, người này chẳng hiểu được tánh Như Lai.

Sao gọi là nghĩa không có chữ? Người thân cận, tu tập các pháp chẳng lành, đó gọi là không có chữ. Lại nữa, người không có chữ tuy thân cận và tu tập các pháp lành nhưng không biết được Như Lai là thường còn hay không thường còn, lâu dài hay chẳng lâu dài, cùng hai ngôi báu là Pháp và Tăng, đúng luật hay không đúng luật, là kinh hay chẳng phải kinh, là ma thuyết, Phật thuyết. Nếu không thể phân biệt như vậy thì gọi là chạy theo nghĩa không có chữ. Nay ta đã thuyết xong việc chạy theo nghĩa không có chữ.

Thiện nam tử! Vậy nay các ông nên lìa khỏi nửa chữ, khéo hiểu được trọn chữ.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng con thật nên học rành số chữ. Nay chúng con đã được gặp bậc thầy vô thượng, được đức Như Lai ân cần khuyến dạy.

Phật khen Ca-diếp rằng: Lành thay, lành thay! Kẻ hâm mộ Chánh pháp nên học hỏi như vậy.

<sup>36</sup>Bấy giờ, Phật bảo Bồ Tát Ca-diếp: Thiện nam tử! Có hai loài chim, một loài tên ca-lân-đề,<sup>37</sup> một loài tên uyên ương, dù khi bay đi hay ngừng đậu đều

theo cùng với nhau, chẳng lìa được nhau. Những pháp: khổ, vô thường, vô ngã lại cũng như vậy, chẳng lìa được nhau.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Vì sao những pháp khổ, vô thường, vô ngã này lại giống như chim uyên ương và chim ca-lân-đề kia?

Phật dạy: Thiện nam tử! Có những pháp khổ, vui khác nhau; có những pháp là thường, vô thường khác nhau; có những pháp khác là ngã, vô ngã khác nhau.

Cũng ví như hạt nếp khác với hạt mè, hạt mè lại khác với hạt đậu, hạt lúa và cây mía... Các loại ấy, từ phôi mầm cho đến lá hoa đều là vô thường. Đến khi hạt trái khô chín, dùng được mới gọi là thường. Vì sao vậy? Vì là tánh thật.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Nếu những vật ấy là thường thì đồng với Như Lai hay sao?

Phật dạy: Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên nói ra lời ấy. Vì sao vậy? Như nói [ví dụ rằng] đức Như Lai như núi Tu-di, đến lúc kiếp hoại núi Tu-di sụp đổ, lúc ấy lẽ nào Như Lai cũng hư hoại như vậy hay sao?

Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên nhận giữ ý nghĩa như vậy. Thiện nam tử! Trong tất cả các pháp, chỉ trừ tánh Phật và Niết-bàn, ngoài ra không một pháp nào là thường cả. Chỉ vì thuận theo lẽ thế gian nên mới nói hạt trái là thường.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đúng như lời Phật dạy.

Phật bảo Ca-diếp: Đúng vậy, đúng vậy! Thiện nam tử! Tuy là tu tập hết thấy các phép định trong Khế kinh mà chưa nghe được kinh Đại Bát Niết-bàn, đều nói rằng hết thấy là vô thường. Nghe kinh này rồi thì dù có phiền não cũng như không phiền não, liền có thể làm lợi ích cho hết thấy trời, người. Vì sao vậy? Rõ biết thân mình vốn có tánh Phật. Đây mới gọi là thường.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây am-la, khi vừa trở hoa gọi là tướng vô thường. Đến khi có hạt trái, được nhiều lợi ích, mới gọi là thường. Như vậy đó, thiện nam tử! Tuy là tu tập hết thấy các phép định trong Khế kinh nhưng lúc chưa nghe kinh Đại Bát Niết-bàn đều nói rằng hết thấy là vô thường. Nghe kinh này rồi thì dù có phiền não cũng như không phiền não, liền có thể làm lợi ích cho hết thấy trời, người. Vì sao vậy? Rõ biết tự thân vốn có tánh Phật. Đây mới gọi là thường.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như chất khoáng vàng, khi nung chảy ra gọi là tương vô thường. Nung chảy xong đã [tinh luyện] thành vàng ròng, được nhiều lợi ích, mới gọi là thường. Như vậy đó, thiện nam tử! Tuy là tu tập hết thấy các phép định trong Khế kinh, nhưng lúc chưa nghe kinh Đại Bát Niết-bàn đều nói rằng hết thấy là vô thường. Nghe kinh này rồi thì dù có phiền não cũng như không phiền não, liền có thể làm lợi ích cho hết thấy trời, người. Vì sao vậy? Rõ biết tự thân vốn có tánh Phật. Đây mới gọi là thường.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như những hạt mè khi chưa mang đi ép gọi là vô thường. Khi ép xong thành dù mè, được nhiều lợi ích, mới gọi là thường. Như vậy đó, thiện nam tử! Tuy là tu tập hết thấy các phép định trong Khế kinh, nhưng lúc chưa nghe kinh Đại Bát Niết-bàn đều nói rằng hết thấy là vô thường. Nghe kinh này rồi thì dù có phiền não cũng như không phiền não, liền có thể làm lợi ích cho hết thấy trời, người. Vì sao vậy? Rõ biết tự thân vốn có tánh Phật. Đây mới gọi là thường.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như các dòng sông đều chảy về nơi biển. Hết thấy các phép định Tam-muội trong Khế kinh đều quy về kinh Đại thừa Đại Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì rốt ráo khéo dạy rằng có tánh Phật.

Thiện nam tử! Vì vậy nên ta nói rằng: Có những pháp là thường, vô thường khác nhau, cho đến [ngã], vô ngã cũng là như vậy.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Như Lai đã lìa xa mũi tên độc là sự lo nghĩ thương tưởng.

Lo nghĩ thương tưởng gọi là chur thiên; Như Lai chẳng phải hàng chur thiên. Có lo nghĩ thương tưởng gọi là người; Như Lai chẳng phải là người. Lo nghĩ thương tưởng gọi là hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Như Lai chẳng phải [thuộc về] hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Vì vậy Như Lai không có lo nghĩ thương tưởng. Vì sao [con từng nghe Phật] nói rằng Như Lai có lo nghĩ thương tưởng?

Phật dạy: Thiện nam tử! [Ví như] cõi trời Vô tướng gọi là không có sự nghĩ tưởng.<sup>38</sup> Nếu không có sự nghĩ tưởng, ắt là không có thọ mạng. Nếu không có thọ mạng, làm sao có ấm, giới, nhập? Vì nghĩa ấy nên mạng sống ở cõi trời Vô tướng không thể nói là có chỗ xác định.

Thiện nam tử! Ví như vị thần cây, nương theo cây mà ở. Người ta không thể nói nhất định rằng vị ấy nương theo cành cây, lóng cây, thân cây hoặc lá cây. Tuy không có chỗ xác định, nhưng không thể nói là không có. Mạng sống ở cõi trời Vô tướng cũng là như vậy.



Thiện nam tử! Pháp Phật cũng như thế, rất sâu xa khó hiểu. Như Lai thật không có sự lo buồn, khổ não, nhưng đối với chúng sanh khởi lòng đại từ bi, thị hiện có lo nghĩ thương tưởng, xem tất cả chúng sanh như La-hầu-la, [như đứa con duy nhất của ngài.]

Lại nữa, thiện nam tử! Mạng sống ở cõi trời Vô tướng chỉ riêng Phật mới có thể biết rõ mà thôi, ngoài ra không ai biết được. Cho đến ở cõi Phi tướng phi phi tướng<sup>39</sup> cũng vậy.

Ca-diếp! Tánh Như Lai là thanh tịnh, không nhiễm ô, như thân biến hóa, sao lại có sự lo buồn, khổ não ở nơi nào? Nhưng nếu nói rằng Như Lai không có sự lo nghĩ thương tưởng, làm sao Ngài có thể làm lợi ích hết thảy chúng sanh, rộng truyền pháp Phật? Nếu nói là không có [sự lo nghĩ thương tưởng], sao có thể nói rằng Như Lai xem tất cả chúng sanh đồng như La-hầu-la? Nếu [nói Như Lai] không xem chúng sanh đồng như La-hầu-la thì đó ắt là lời nói dối trá.

Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên Phật không thể nghĩ bàn, Pháp cũng không thể nghĩ bàn; tánh Phật của chúng sanh không thể nghĩ bàn, mạng sống ở cõi trời Vô tướng cũng không thể nghĩ bàn. Như Lai có lo nghĩ hay không lo nghĩ, đó là cảnh giới của Phật, không phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.

Thiện nam tử! Ví như ở giữa không trung thì nhà cửa, bụi đất không thể đứng vững, nhưng nếu nói rằng nhà cửa không nương nơi hư không mà trụ thì thật vô lý. Vì nghĩa ấy, không thể nói rằng nhà cửa trụ nơi hư không hoặc chẳng trụ nơi hư không. Những kẻ phàm phu tuy nói rằng nhà cửa trụ nơi hư không, nhưng hư không ấy thật không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì tánh [thật vốn] là không trụ.

Thiện nam tử! Cái tâm cũng thế, không thể nói rằng có trụ nơi âm, giới, nhập hoặc là không trụ. Mạng sống ở cõi trời Vô tướng cũng là như vậy, sự lo nghĩ thương tưởng của Như Lai cũng là như vậy. Nếu không có lo nghĩ thương tưởng, sao lại nói rằng xem tất cả chúng sanh đồng như La-hầu-la? Còn nếu nói rằng có, sao có thể nói rằng tánh [Như Lai] đồng với hư không?

Thiện nam tử! Ví như một ảo thuật gia, dùng phép hóa ra mọi thứ cung điện, các việc như giết hại, nuôi dưỡng, trói buộc, buông thả, cùng là hóa ra vàng, bạc, lưu ly, vật báu, rừng rậm, cây cối... thảy đều không có tánh thật. Như Lai cũng thế, tùy thuận thế gian mà thị hiện sự lo nghĩ thương tưởng, nhưng [đều là] không thật có.

Thiện nam tử! Như Lai đã vào Đại Niết-bàn, làm sao lại có sự lo buồn, khổ não? Nếu [ai] cho rằng Như Lai vào Niết-bàn là vô thường, nên biết rằng người ấy ắt có sự lo buồn. Nếu [ai] nói rằng Như Lai chẳng vào Niết-bàn, thường trụ

không biến đổi, nên biết rằng người ấy không có sự lo buồn. Như Lai có lo buồn hay không, thật không ai có thể biết được.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người hạ lưu chỉ có thể biết việc hạ lưu, không biết được việc của hàng trung lưu, thượng lưu. Người trung lưu biết việc trung lưu, chẳng biết được việc của hàng thượng lưu. Còn người thượng lưu chẳng những biết việc thượng lưu, lại còn biết luôn các việc của hàng trung lưu và hạ lưu.

Những người trong hàng Thanh văn, Duyên giác cũng vậy, đều chỉ hiểu biết trong phạm vi của mình mà thôi. Như Lai không phải thế, ngài biết được cả phạm vi của mình và phạm vi của mọi người khác. Cho nên Như Lai gọi là trí huệ không ngăn ngại, tùy thuận thế gian mà thị hiện mọi sự ảo hóa. Phạm phu mất thịt cho [sự ảo hóa] đó là chân thật nhưng lại muốn biết được hết trí vô ngại vô thượng của Như Lai, việc ấy thật vô lý. Có lo buồn hay không, chỉ riêng Phật có thể biết mà thôi. Bởi nhân duyên này, [ta nói] có những pháp hữu ngã, vô ngã khác nhau. Vì thế nói là như tánh của chim uyên ương và chim ca-lân-đề.

Lại nữa, thiện nam tử! Phật pháp ví như [đôi] chim uyên ương cùng đi với nhau. Chim ca-lân-đề và chim uyên ương, vào giữa mùa hạ, lúc nước dâng lên thì chọn vùng đất cao mà đặt chim con để tiện việc nuôi dưỡng. Sau đó mới trở lại chốn cũ mà yên ổn dạo chơi. Như Lai xuất hiện ở đời cũng vậy, giáo hóa vô lượng chúng sanh, làm cho trụ nơi Chánh pháp. Cũng như chim uyên ương và ca-lân-đề kia chọn vùng đất cao mà đặt chim con, Như Lai cũng vậy, khiến cho chúng sanh làm xong công việc của họ rồi, ngài mới nhập Đại Niết-bàn.

Thiện nam tử! Đây gọi là có những pháp khổ, vui khác nhau. Các hành đều là khổ, Niết-bàn là vui, nhiệm mầu bậc nhất vì đã phá trừ hết thảy các hành.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Vì sao chúng sanh được Niết-bàn gọi là vui nhất?

Phật dạy: Thiện nam tử! Như ta có dạy, các hành hòa hợp gọi là già chết.<sup>40</sup>

*Cẩn thận không phóng dật,*

*Chính là thuốc trường sanh.*

*Phóng dật, không cẩn thận,*

*Là đi vào cõi chết.*

*Nếu ai không phóng dật,*

*Sẽ đạt sự bất tử,*

*Những ai thường phóng dật,*

*Luôn đi theo đường chết.*

Nếu người phóng dật thì gọi là pháp hữu vi; pháp hữu vi đó là khổ bậc nhất. Nếu người không phóng dật thì gọi là Niết-bàn, Niết-bàn ấy gọi là cam lộ, an vui bậc nhất. Nếu chạy theo các hành thì gọi là chỗ chết, chịu khổ bậc nhất. Nếu đạt tới Niết-bàn thì gọi là bất tử, thọ hưởng sự an vui màu nhiệm bậc nhất. Nếu không phóng dật, tuy có gò bó các hành cũng gọi là thường, vui, bất tử, thân không bị phá hoại. Thế nào là phóng dật? Thế nào là không phóng dật? Những kẻ phàm phu chưa chứng thánh gọi là phóng dật, là pháp thương [chịu sự già] chết. Thánh nhân xuất thế là không phóng dật, không có sự già chết. Vì sao vậy? Vì vào cảnh Niết-bàn thường tồn, an vui bậc nhất. Vì nghĩa ấy nên có những pháp khổ, vui khác nhau; có những pháp ngã, vô ngã khác nhau.

Ví như người đứng ở mặt đất ngược nhìn trên không, chẳng thấy dấu chân chim. Thiện nam tử! Chúng sanh cũng thế, [vì] không có thiên nhãn [nên] ở trong phiền não không tự thấy có tánh Như Lai. Cho nên ta mới chỉ dạy lẽ vô ngã sâu kín. Vì sao vậy? Những kẻ không có thiên nhãn chẳng biết được cái ngã chân thật, nên cố chấp sai lầm là có ngã. Do nơi các phiền não tạo ra những việc hữu vi, tức là vô thường. Cho nên ta nói rằng có những pháp thường, vô thường khác nhau.

*Bậc tinh cần dừng mãi,*

*Khi ở tại đỉnh núi,*

*Đất bằng hay đồng hoang,*

*Thường thấy hàng phàm phu.*

*Lên điện trí huệ lớn,*

*Đài vô thượng vi diệu,*

*Tự dứt trừ buồn khổ,*

*Còn thấy chúng sanh khổ.*

Như Lai đã dứt hết vô lượng phiền não, vững vàng trên núi trí huệ, nhìn thấy chúng sanh thường ở trong vô lượng phiền não.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: Thế Tôn! Như bài kệ Phật vừa thuyết dạy ấy, nghĩa lý không hợp. Vì sao vậy? Vào Niết-bàn rồi thì không có lo buồn, không có vui vẻ. Làm sao lại lên điện đài trí huệ? Làm sao lại vững vàng trên đỉnh núi mà nhìn thấy chúng sanh?

Phật dạy: Thiện nam tử! Điện trí huệ đó tức là Niết-bàn. Người không lo buồn ấy là Như Lai. Người có lo buồn gọi là phàm phu. Vì phàm phu có lo buồn nên Như Lai không lo buồn. Đỉnh núi Tu-di là nói giải thoát chân chánh. Người chuyên cần tinh tấn ví như núi Tu-di không hề động chuyển. Mặt đất là hạnh hữu vi. Những người phàm phu ở yên trên đất ấy mà tạo tác các hành. Người trí huệ gọi là Chánh giác, lìa khỏi chấp hữu,<sup>41</sup> thường trụ nên gọi là Như Lai. Như Lai thương xót vô lượng chúng sanh thường bị trúng tên độc chấp hữu, cho nên nói là Như Lai có sự lo nghĩ thương tưởng.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Nếu nói Như Lai có sự lo nghĩ thương tưởng thì không thể xưng là bậc Chánh giác!

Phật dạy: Ca-diếp! Đó đều là có nhân duyên, tùy nơi nào chúng sanh muốn được giáo hóa, Như Lai thị hiện thọ sanh nơi đó. Tuy thị hiện thọ sanh, nhưng thật không có sanh. Vì vậy Như Lai gọi là pháp thường trụ, như các loài chim ca-lân-đê, uyên ương.<sup>42</sup>

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN TÁM

---o0o---

### QUYỂN CHÍN

### **PHẨM TÁNH NHƯ LAI - Phẩm thứ tư<sup>43</sup>**

Phật dạy: Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có những người thấy mặt trăng không hiện ra đều nói rằng trăng lặn, liền sanh ý tưởng rằng trăng đã lặn mất. Nhưng tánh của mặt trăng ấy thật không có lặn mất. Khi chuyển hiện ra ở nơi khác, chúng sanh nơi đó lại bảo rằng trăng mọc. Nhưng tánh của mặt trăng ấy thật không có mọc lên. Vì sao vậy? Vì núi Tu-di che khuất, nên chẳng hiện ra. Mặt trăng ấy thường có, tánh nó không có mọc lên hay lặn mất.

Đức Như Lai, Ứng, Chánh biến tri cũng vậy, xuất hiện trong cõi Tam thiên Đại thiên thế giới này; hoặc ở Diêm-phù-đề thị hiện có cha mẹ, chúng sanh đều bảo rằng Như Lai sanh trong cõi Diêm-phù-đề. Hoặc ở Diêm-phù-đề thị hiện Niết-bàn, tánh Như Lai ấy thật không có Niết-bàn, Nhưng chúng sanh đều nói rằng Như Lai thật có vào Đại Niết-bàn, ví như mặt trăng lặn mất.

Thiện nam tử! Tánh Như Lai thật không có sanh diệt. Vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện sanh diệt.

Thiện nam tử! Ví như mặt trăng tròn ở đây, nơi khác thấy là khuyết; mặt trăng khuyết ở đây, nơi khác thấy là tròn.<sup>44</sup> Người ở Diêm-phù-đề khi thấy trăng non đều nói là ngày mỏng một, liền sanh ý tưởng rằng trăng non. Khi thấy trăng tròn đều nói là ngày rằm, liền sanh ý tưởng rằng trăng tròn đầy. Nhưng tánh của trăng ấy thật không có tròn khuyết. Do núi Tu-di nên có sự tròn, khuyết.

Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, ở Diêm-phù-đề thị hiện vừa sanh ra, hoặc thị hiện Niết-bàn. Lúc thị hiện mới sanh, ví như trăng non, ai nấy đều bảo đó là đồng tử mới sanh. Ngài đi bảy bước, ví như mặt trăng đêm mỏng hai. Rồi lại thị hiện vào thư đường học tập, ví như mặt trăng đêm mỏng ba. Thị hiện xuất gia, ví như mặt trăng đêm mỏng tám. Ngài phóng ánh sáng vi diệu của đại trí huệ, có thể phá dẹp vô lượng chúng ma, ví như mặt trăng tròn đầy đêm rằm. Hoặc thị hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân mình, rồi thị hiện Niết-bàn, ví như nguyệt thực.

Như vậy, chỗ thấy của chúng sanh chẳng đồng. Khi thấy trăng khuyết, khi thấy trăng tròn, hoặc có khi thấy nguyệt thực. Nhưng tánh của mặt trăng ấy thật không có tăng, giảm, không bị che khuất, vẫn luôn tròn đầy. Thân Như Lai cũng vậy, cho nên gọi là thường trụ, không biến đổi.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như trăng tròn, hiện ra ở khắp mọi nơi, từ thành ấp, làng xóm, núi non, đầm nước, giếng nước, ao hồ, bồn chậu... hết thấy đều có trăng hiện. Có những chúng sanh đi được trăm do-tuần, trăm ngàn do-tuần, đều thấy mặt trăng thường đi theo mình. Kẻ phàm phu ngu si sanh ra ý tưởng sai lầm, nói rằng: ‘Khi ta còn ở nơi thành ấp nhà cửa, đã thấy mặt trăng ấy. Nay đến chỗ đồng hoang trống vắng này cũng thấy. Đó là mặt trăng trước, hay là mặt trăng khác?’ Có những kẻ nghĩ rằng mặt trăng có lớn, có nhỏ, hoặc như cái miệng chậu... Lại có kẻ khác nói rằng: ‘Nó lớn bằng bánh xe.’ Hoặc nói rằng: ‘Nó rộng bốn mươi chín do-tuần.’ Ai nấy đều thấy mặt trăng chiếu sáng, hoặc có kẻ thấy nó tròn trịa như cái mâm vàng. Tánh của mặt trăng ấy là duy nhất, nhưng chúng sanh mỗi người đều thấy tướng trạng của nó khác nhau.

Thiện nam tử! Như Lai xuất hiện ở thế gian cũng vậy. Hoặc có người hay chur thiên nghĩ rằng: ‘Hiện nay, Như Lai ở trước mặt ta.’ Lại có những chúng sanh khác cũng nghĩ tưởng rằng: ‘Hiện nay, Như Lai ở trước mặt ta.’ Hoặc có những kẻ cầm điếu thấy Như Lai cũng cầm điếu như họ. Các loài chúng sanh khác nhau, tiếng nói khác nhau, thấy đều bảo rằng Như Lai nói cùng thứ tiếng với họ, ai nấy cũng đều nghĩ rằng: ‘Như Lai ở tại nhà tôi, thọ nhận sự cúng dường của tôi.’ Hoặc có những chúng sanh thấy Như Lai thân tướng rộng lớn vô lượng. Lại có kẻ thấy Như Lai hình tướng nhỏ bé. Hoặc có kẻ thấy Phật có hình tượng Thanh văn. Cũng có kẻ thấy Phật mang hình tượng Duyên giác. Lại

có những kẻ ngoại đạo nói rằng: ‘Hiện nay Như Lai xuất gia học đạo ở trong pháp của chúng tôi.’ Hoặc có những chúng sanh lại nghĩ rằng: Hiện nay Như Lai chỉ riêng vì tôi mà xuất hiện ở thế.’

Tánh thật của Như Lai ví như mặt trăng kia, tức là pháp thân, là thân không sanh, là thân phương tiện, tùy thuận thế gian mà thị hiện vô lượng nhân duyên gốc nghiệp... Ngài ở khắp mọi nơi thị hiện có sanh ra, như mặt trăng kia. Vì nghĩa ấy cho nên Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi.

Lại nữa, thiện nam tử! Như vị vua loài a-tu-la là La-hầu-la lấy tay che khuất mặt trăng, người thế gian đều bảo đó là nguyệt thực. Vua a-tu-la ấy thật không thể nuốt mất mặt trăng, chỉ che khuất ánh sáng thôi. Mặt trăng ấy vẫn tròn đầy không hao khuyết, chỉ vì bàn tay của vua a-tu-la che khuất nên chẳng hiện ra. Nếu bàn tay ấy rút đi, thế gian sẽ cho rằng mặt trăng lại sanh ra, đều nói rằng: ‘Mặt trăng chịu nhiều khổ não.’ Nhưng dù cho trăm ngàn vị vua a-tu-la cũng không thể làm cho mặt trăng khổ não!

Như Lai cũng thế, ngài thị hiện có những chúng sanh đối với Như Lai sanh lòng thô ác, làm thân Phật chảy máu, phát khởi Năm tội nghịch,<sup>45</sup> cho đến thành kẻ nhất-xiển-đề.<sup>46</sup> Ngài vì các chúng sanh đời vị lai mà thị hiện những việc phá hoại Chúng tăng, đoạn dứt Chánh pháp và gây ra những khó khăn chướng ngại... [Thật ra, dù] có trăm ngàn vô lượng chúng ma cũng không thể làm cho thân Như Lai chảy máu. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai không có máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy. Như Lai là chân thật, không thể quấy nhiễu, phá hoại. Chúng sanh đều cho rằng Pháp, Tăng bị hủy hoại, Như Lai có diệt mất. Nhưng tánh Như Lai chân thật, không biến đổi, không thể phá hoại. Vì tùy thuận thế gian nên thị hiện như vậy.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hai người giao đấu tranh tài. Nếu dùng dao gây gây ra thương tích, làm chảy máu đối phương, tuy có làm chết người nhưng không hề khởi ý tưởng giết hại. Hình thức tạo nghiệp như vậy là nhẹ chứ không phải nặng. Người đối với Như Lai vốn không có tâm giết hại, tuy làm cho thân Phật chảy máu thì nghiệp này cũng như trên, nhẹ chứ không nặng. Như Lai vì giáo hóa chúng sanh đời vị lai nên thị hiện nghiệp báo như vậy.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có vị lương y cố sức dạy cho con những phương thuốc căn bản, dạy rằng: ‘Đây là rễ cây thuốc, đây là thân cây thuốc, đây là hoa cây thuốc... Con nên biết rành mọi thứ hình dáng.’ Người con kính vâng lời cha truyền dạy, tinh cần học tập, hiểu rành các thứ thuốc. Về sau, vị lương y ấy chết đi. Người con khóc kể và nói rằng: ‘Cha tôi từng dạy tôi: rễ thuốc như thế này, thân cây thuốc như thế này, hoa cây thuốc như thế này, màu sắc hình dáng như thế này.’

Như Lai cũng thế, vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện chế định giới luật: ‘Nên thọ trì như thế này, đừng phạm vào tội Ngũ nghịch, phỉ báng Chánh pháp cùng là nhất-xiển-đề.’ Vì đời vị lai nên khởi ra những việc ấy. Cho nên thị hiện để khiến cho sau khi Phật nhập diệt, các vị tỳ-kheo đều biết như thế này: ‘Đây là Khế kinh, nghĩa lý thâm sâu. Đây là giới luật, có các hình thức nặng nhẹ khác nhau; đây là A-tì-đàm,<sup>47</sup> phân biệt rõ ràng các pháp.’ Cũng như đứa con của vị lương y kia.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như loài người xem mặt trăng, cứ sáu tháng có một lần nguyệt thực. Nhưng trên cõi trời kia, chỉ trong một thời gian ngắn mà chư thiên đã thấy nhiều lần nguyệt thực. Vì sao vậy? Vì ngày ở cõi trời ấy rất dài, còn ngày ở cõi người thì ngắn.

Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, chư thiên thấy đều bảo rằng tuổi thọ của Như Lai là ngắn. Cũng như chư thiên kia trong một thời gian ngắn đã thấy nhiều lần nguyệt thực; Như Lai cũng thế, trong một thời gian ngắn đã thị hiện trăm ngàn vạn ức lần Niết-bàn, dứt trừ ma phiền não, ma ám, ma chết. Cho nên trăm ngàn vạn ức thiên ma<sup>48</sup> thấy đều biết rằng Như Lai vào Đại Niết-bàn. Lại còn thị hiện vô lượng trăm ngàn nhân duyên nghiệp đời trước, tùy thuận mọi tánh của thế gian mà thị hiện vô lượng vô biên như vậy, không thể nghĩ bàn. Cho nên Như Lai là thường trụ, không biến đổi.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như mặt trăng sáng, chúng sanh đều muốn nhìn ngắm, nên khen mặt trăng là đáng nhìn. Chúng sanh nếu có tham lam, sân khuê, ngu si, thì chẳng được khen là đáng nhìn. Tánh Như Lai cũng như mặt trăng sáng ấy, thuần thiện, trong sạch không như bọn, nên rất đáng xưng là đáng nhìn. Những chúng sanh hâm mộ Chánh pháp đều ngắm nhìn ngài không chán, những kẻ ác tâm chẳng thích ngắm mặt nhìn ngài. Vì nghĩa ấy cho nên nói rằng: ‘Như Lai ví như trăng sáng.’

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như khi mặt trời xuất hiện, có ba mùa khác nhau: mùa xuân, mùa hạ, mùa đông.<sup>49</sup> Ngày mùa đông ngắn, ngày mùa xuân vừa phải, ngày mùa hạ rất dài. Như Lai cũng thế, ở trong cõi Tam thiên đại thiên này, vì những người có đời sống ngắn ngủi và các vị Thanh văn nên thị hiện đời sống ngắn ngủi. Những người này thấy vậy đều nói rằng đời sống của Phật rất ngắn, ví như ngày mùa đông. Phật lại vì chư Bồ Tát mà thị hiện đời sống vừa phải, như trọn một kiếp hoặc một kiếp giảm, ví như ngày mùa xuân. Duy chỉ có [chư] Phật nhìn thấy Phật có đời sống vô lượng, ví như ngày mùa hạ.

Thiện nam tử! Giáo lý sâu kín mầu nhiệm của kinh phương đẳng Đại thừa do Như Lai thuyết giảng, thị hiện nơi thế gian để đổ trận mưa pháp lớn. Trong tương lai, nếu có những người có thể thọ trì kinh điển này, mở bày chỉ bảo, phân biệt làm lợi ích chúng sanh, nên biết rằng những người ấy thật là Bồ Tát, ví như đang mùa hạ nóng bức được cơn mưa mát mẻ! Nếu có hàng Thanh văn,

Duyên giác nghe được giáo pháp sâu kín màu nhiệm của Phật Như Lai, ví như trong ngày mùa đông phải chịu nhiều khổ nạn buốt giá. Hàng Bồ Tát nếu nghe được lời dạy bảo sâu kín màu nhiệm như thế này: ‘Như Lai là thường trụ, tánh không biến đổi, ví như ngày xuân cây cối đâm chồi nảy lộc. Nhưng tánh Như Lai vốn không dài ngắn, chỉ vì thế gian nên thị hiện như vậy, đó là tánh pháp chân thật của chư Phật.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như các ngôi sao, ban ngày chẳng hiện ra. Người ta đều cho rằng ban ngày sao lặn mất. Kỳ thật, sao ấy không có lặn mất. Sở dĩ không hiện ra là vì mặt trời chói sáng. Như Lai cũng thế, Thanh văn, Duyên giác không thể nhìn thấy được, cũng như người đời không nhìn thấy được các ngôi sao ban ngày.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như đang khi trời u ám, mặt trời, mặt trăng không hiện ra. Người ngu bảo rằng: ‘Mặt trời, mặt trăng đã mất.’ Nhưng mặt trời, mặt trăng thật không mất! Vào lúc Chánh pháp Như Lai diệt mất, Tam bảo cũng hiện ra tướng lặn khuất như vậy, thật không phải diệt mất hẳn. Vậy nên biết rằng Như Lai là thường trụ, không có biến đổi. Vì sao vậy? Vì tánh chân thật của Tam bảo chẳng bị những điều như xấu làm nhiễm ô.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vào tuần trăng tối,<sup>50</sup> sao chổi hiện ra lúc ban đêm, ánh sáng chói lòa, trong chốc lát rồi lặn mất. Chúng sanh thấy vậy rồi sanh ra ý tưởng cho là điềm chẳng lành. Các vị Phật Bích-chi<sup>51</sup> lại cũng như vậy, ra đời vào lúc không có Phật. Chúng sanh thấy vậy rồi, thấy đều cho rằng Như Lai hẳn thật diệt độ, nên sanh lòng lo buồn. Nhưng thân Như Lai thật không có diệt mất, cũng như mặt trời và mặt trăng kia không hề lặn mất.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như khi mặt trời hiện, sương mù đều tan mất. Kinh điển vì diệu Đại Niết-bàn này lại cũng như vậy, hiện ra mạnh mẽ trong đời. Nếu như có chúng sanh nào tai nghe qua kinh này một lần, liền có thể diệt trừ được tất cả nghiệp ác vô gián.<sup>52</sup> Cảnh giới rất thâm sâu của Đại Niết-bàn này không thể nghĩ bàn, khéo giảng bày tánh nhiệm màu sâu kín của Như Lai.

Vì nghĩa ấy, các thiện nam tử, thiện nữ nhân nên đối với Như Lai sanh tâm thường trụ, không biến đổi, Chánh pháp không dứt mất, Tăng bảo chẳng hề tiêu diệt. Vậy nên phải tu nhiều phương tiện, siêng học kinh điển này. Người như vậy không lâu sẽ thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Vì vậy nên kinh này gọi là chỗ thành tựu của vô lượng công đức, cũng gọi là Bồ-đề không thể cùng tận. Vì không cùng tận, nên mới xưng là Đại Bát Niết-bàn. Bởi có ánh sáng lành, nên ví như ngày mùa hạ,<sup>53</sup> và bởi thân không hạn lượng nên gọi là Đại Niết-bàn.



<sup>54</sup>Lại nữa, thiện nam tử! Như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng là hơn hết, tất cả các loại ánh sáng khác đều không sánh được; hào quang của kinh Đại Niết-bàn lại cũng như vậy, vượt trội hơn hết so với hào quang Tam-muội của các Khế kinh, tất cả đều không sánh được. Vì sao vậy? Vì hào quang của kinh Đại Niết-bàn có thể vào trong các lỗ chân lông của chúng sanh. Dù chúng sanh chẳng có tâm Bồ-đề, nhưng có thể vì họ mà tạo ra nhân duyên Bồ-đề. Vì vậy nên gọi là Đại Bát Niết-bàn.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Như Phật nói rằng hào quang của kinh Đại Niết-bàn vào tất cả những lỗ chân lông của chúng sanh, dù họ chẳng có tâm Bồ-đề cũng có thể vì họ tạo ra nhân Bồ-đề. Nghĩa ấy chẳng đúng! Vì sao vậy? Thế Tôn! Những kẻ phạm Bốn giới cấm nặng, những người làm Năm tội nghịch, những kẻ nhất-xiên-đề, nếu hào quang vào trong thân họ tạo ra được nhân Bồ-đề, thì những hạng người như vậy so với những người giữ gìn giới hạnh trong sạch, tu tập các điều lành có khác gì nhau? Nếu chẳng khác nhau, vì sao Như Lai lại giảng nghĩa Bốn pháp nương theo?<sup>55</sup>

Thế Tôn! Lại như Phật nói rằng: ‘Nếu có những chúng sanh, tai nghe qua kinh Đại Niết-bàn một lần, ắt dứt trừ được các phiền não.’ Vì sao trước đó Như Lai dạy rằng: ‘Có người đã phát tâm ở trước chư Phật nhiều như cát sông Hằng, khi nghe kinh Đại Niết-bàn cũng chẳng hiểu được nghĩa?’ Nếu chẳng hiểu nghĩa, làm sao dứt trừ được tất cả phiền não?

Phật dạy: Thiện nam tử! Chỉ trừ những kẻ nhất-xiên-đề, ngoài ra những chúng sanh khác khi nghe được kinh này rồi, thấy đều có thể tạo được nhân duyên Bồ-đề. Tiếng giảng pháp phát ra hào quang, vào nơi lỗ chân lông rồi thì nhất định người ấy sẽ đắc quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì sao vậy? Nếu ai có thể cúng dường cung kính vô lượng chư Phật, mới được nghe kinh Đại Niết-bàn. Những kẻ bạc phước ắt chẳng được nghe. Vì sao vậy? Người có phước đức lớn mới có thể được nghe việc lớn như thế này. Kẻ tiểu nhân hạ tiện ắt chẳng được nghe. Sao gọi là việc lớn? Đó là tạng rất sâu kín của chư Phật, đó là tánh Phật. Vì nghĩa ấy, cho nên gọi là việc lớn.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Vì sao người chưa phát tâm Bồ-đề có thể tạo nhân Bồ-đề?

Phật dạy: Như ai có nghe kinh Đại Niết-bàn này rồi nói rằng mình chẳng cần phát tâm Bồ-đề, và phỉ báng Chánh pháp. Tức thời người ấy đến đêm nằm ngủ mộng thấy hình tượng La-sát, trong lòng kinh sợ. La-sát nói với người ấy rằng: ‘Này thiện nam tử! Nay nếu ông chẳng phát tâm Bồ-đề, tôi sẽ lấy mạng ông.’ Người ấy hoảng sợ, khi tỉnh giấc liền phát tâm Bồ-đề. Người ấy sau khi mạng chung, nếu ở trong Ba đường dữ<sup>56</sup> cũng như ở các cõi trời, người, vẫn tiếp tục nhớ tưởng tâm Bồ-đề. Nên biết rằng đó là bậc Đại Bồ Tát ma-ha-tát. Vì

nghĩa ấy, sức oai thần của kinh Đại Niết-bàn này có thể khiến người chưa phát tâm Bồ-đề tạo nên nhân Bồ-đề.

Thiện nam tử! Đó gọi là nhân duyên phát tâm của Bồ Tát, chẳng phải không có nhân duyên. Vì nghĩa ấy, kinh điển Đại thừa màu nhiệm này quả thật là do Phật thuyết dạy.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như giữa hư không, khi kéo mây mưa lớn thì nước mưa trút xuống mặt đất. Trên những cây khô, núi đá, gò nong, cao nguyên... nước chẳng đọng lại mà chảy dồn xuống nơi ruộng vườn, ao hồ, làm cho đầy tràn, lợi ích vô lượng chúng sanh. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng như vậy đó, tưới trận mưa pháp lớn, thấm nhuần khắp chúng sanh.

Nhưng kẻ nhất-xiên-đề mà phát tâm Bồ-đề là việc không thể có! Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hạt giống đã hư hỏng, dù gặp mưa xuống cho đến trăm, ngàn, vạn kiếp cũng không thể nảy mầm. Nếu mầm sanh ra được, đó là việc không thể có.

Những kẻ nhất-xiên-đề cũng vậy, dù có được nghe kinh điển vi diệu Đại Bát Niết-bàn này, cũng không hề nảy sanh cái mầm tâm Bồ-đề. Nếu họ nảy sanh ra được, đó là việc không thể có! Vì sao vậy? Những người ấy đã dứt mất hết thầy căn lành, như hạt giống đã hư hỏng, không thể nảy sanh những mầm rễ là tâm Bồ-đề.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hạt minh châu đặt vào chỗ nước đục. Nhờ năng lực của hạt châu, nước liền lắng trong. Nhưng nếu ném xuống chỗ bùn lầy, hạt châu cũng không thể làm cho bùn lầy trở nên trong sạch. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng vậy, đối với những chúng sanh phạm Năm tội vô gián cùng Bốn giới cấm nặng, cũng như nước đục, còn có thể lắng trong, [khiến họ] phát tâm Bồ-đề. Nhưng đối với bùn lầy như những kẻ nhất-xiên-đề, dù cho đến trăm ngàn vạn năm cũng không thể làm cho trong sạch, phát tâm Bồ-đề. Vì sao vậy? Những kẻ nhất-xiên-đề này đã dứt hết căn lành, không thể đón nhận giáo pháp. Ví như họ được nghe kinh Đại Niết-bàn này trong trăm ngàn vạn năm, rốt cùng cũng không thể phát tâm Bồ-đề. Vì sao vậy? Vì chẳng có tâm lành.

Thiện nam tử! Ví như có loại cây thuốc gọi là cây thuốc chúa, vượt trội hơn hết trong tất cả các loại thuốc. Nếu đem hòa với kem sữa, hoặc với mật, với bơ, với nước, với sữa, làm thành thuốc tán, thuốc hoàn, rồi bôi những chỗ ghe, xông mình, thoa mắt... khi nhìn thấy hoặc ngửi mùi [thuốc ấy] đều có thể trừ được hết thầy bệnh tật của chúng sanh. Nhưng cây thuốc ấy chẳng hề nghĩ rằng: 'Tất cả chúng sanh, như ai muốn lấy rễ của ta thì chẳng nên lấy lá, như lấy lá thì đừng lấy rễ. Như ai lấy thân ta thì chẳng nên lấy vỏ, như lấy vỏ thì đừng lấy thân.' Tuy cây ấy chẳng khởi cái ý nghĩ như vậy, nhưng nó có thể trừ diệt tất cả bệnh khổ.

Thiện nam tử! Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng vậy, có thể dứt trừ tất cả nghiệp ác của chúng sanh, như bốn tội ba-la-di, năm tội vô gián, mọi điều ác của người ta, dù là ở trong hay ở ngoài. Những ai chưa phát tâm Bồ-đề, nhân đây liền phát tâm. Vì sao vậy? Vì kinh điển vi diệu này là vua trong các kinh, cũng như cây thuốc kia là vua trong các cây thuốc. Dù ai có tu tập kinh Đại Niết-bàn này hay là chẳng tu, nhưng nếu nghe được danh hiệu của kinh này rồi đem lòng kính tin, thì người ấy dù có bao nhiêu phiền não trọng bệnh cũng đều trừ hết. Chỉ là không thể làm cho những kẻ nhất-xiển-đề ở yên nơi A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ví như món thuốc hay kia, dù trị được mọi thứ bệnh nặng, nhưng không thể chữa trị cho những kẻ nhất định phải chết.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người có ghê nơi bàn tay, cầm nắm thuốc độc, chất độc liền theo chỗ ghê mà vào trong người. Nếu không có ghê thì chất độc chẳng thể vào. Những kẻ nhất-xiển-đề cũng vậy, họ không có nhân Bồ-đề, cũng như người không có ghê, chất độc không vào được. Ghê đó là ví cho nhân duyên Bồ-đề vô thượng. Chất độc đó là ví cho thuốc hay bậc nhất. Người không có ghê đó là ví cho kẻ nhất-xiển-đề.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như kim cang, không gì có thể phá hoại nó được, nhưng nó lại có thể phá hoại tất cả mọi vật, chỉ trừ ra mu rùa và sừng dê trắng. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng vậy, có thể đặt yên vô lượng chúng sanh nơi đạo Bồ-đề, duy không thể khiến cho kẻ nhất-xiển-đề tạo lập nhân Bồ-đề.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như loài cỏ răng ngựa, cây ta-la-sí, cây ni-ca-la, dù cho chặt đứt thân cây vẫn tiếp tục mọc lên như cũ, không phải như cây đa-la, bị chặt rồi thì không mọc lại được. Chúng sanh cũng vậy, nếu được nghe kinh Đại Niết-bàn, dù cho có phạm Bốn giới cấm nặng cùng Năm tội vô gián vẫn có thể phát sanh nhân duyên Bồ-đề. Những kẻ nhất-xiển-đề không phải như vậy, dù có được nghe kinh điển mầu nhiệm này cũng không thể phát sanh nhân duyên đạo Bồ-đề.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây khu-đà-la, cây trán-đầu-ca, nếu bị chặt ngang rồi chồi chẳng mọc lên được nữa, cũng như những hạt giống đã bị hư hỏng. Những kẻ nhất-xiển-đề cũng vậy, dù có được nghe kinh Đại Niết-bàn này nhưng vẫn không thể phát sanh nhân duyên Bồ-đề, như những hạt giống bị hư hỏng.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như mưa lớn, nước chẳng đọng lại giữa không trung. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng vậy, rưới cơn mưa pháp xuống khắp nơi, nhưng nước mưa pháp ấy chẳng đọng lại được nơi kẻ nhất-xiển-đề. Kẻ nhất-xiển-đề ấy toàn thể kín chặt, ví như kim cang không cho vật thể bên ngoài xen vào.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Như Phật có thuyết kệ:

*Chẳng thấy thiện không làm,*

*Chỉ thấy ác nên làm,*

*Chỗ ấy là đáng sợ,*

*Như đường hiểm xấu ác.*

Bạch Thế Tôn! Bài kệ đó có nghĩa thế nào?

Phật dạy: Thiện nam tử! Chẳng thấy, đó là chẳng thấy tánh Phật. Thiện, tức là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Chẳng làm, nghĩa là không gần gũi bạn hiền. Chỉ thấy, là thấy không có nhân quả. Ác, nghĩa là phỉ báng kinh điển phương đẳng Đại thừa. Nên làm, là kẻ nhất-xiển-đề nói không có kinh Phương đẳng. Vì nghĩa ấy cho nên kẻ nhất-xiển-đề không có lòng hướng về thiện pháp thanh tịnh. Thiện pháp là gì? Đó là Niết-bàn. Người hướng đến Niết-bàn là người có thể tu tập các hạnh hiền thiện. Nhưng kẻ nhất-xiển-đề không có hạnh hiền thiện. Vì vậy, kẻ ấy không thể hướng đến Niết-bàn. Chỗ ấy là đáng sợ, đó là nói sự phỉ báng Chánh pháp. Những ai nên sợ? Là những người có trí tuệ. Vì sao vậy? Vì kẻ phỉ báng Chánh pháp thì không có thiện tâm và không có phương tiện. Đường hiểm xấu ác, đó là nói các hành.

Ca-diếp lại bạch Phật: Như Phật có thuyết kệ:

*Sao biết việc đã làm?*

*Làm sao được pháp lành?*

*Ở đâu không sợ sệt,*

*Như đường lớn vua đi?*

Ý nghĩa bài kệ này như thế nào?

Phật dạy: Thiện nam tử! Biết việc đã làm, nghĩa là bày tỏ, phát lộ các điều ác. Trải qua bao đời sanh tử đã làm các điều ác, nay bày tỏ phát lộ tất cả, cho đến chỗ không cùng tận. Vì nghĩa ấy, ở chỗ ấy là không sợ sệt. Ví như một vị vua, khi dạo chơi trên đường thì bọn trộm cướp ở đó đều chạy trốn hết. Phát lộ như vậy thì các điều ác sẽ dứt tuyệt. Lại nữa, không biết việc đã làm là nói kẻ nhất-xiển-đề đã làm mọi điều ác nhưng chẳng thấy việc họ đã làm. Đó là lòng kiêu mạn của kẻ nhất-xiển-đề. Tuy họ làm nhiều việc ác, nhưng đối với những việc ấy không hề sợ sệt. Vì lẽ ấy nên họ không thể chứng đắc Niết-bàn, ví như những con khỉ bắt lấy mặt trăng dưới nước.

Thiện nam tử! Ví như có vô lượng chúng sanh cùng lúc đạt được quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, các đức Như Lai cũng không thấy kẻ nhất-xiển-đề kia thành đạo Bồ-đề. Vì nghĩa ấy, nên gọi là không biết việc đã làm. Lại nữa, không biết việc của ai đã làm? Đó là không thấy biết những việc mà Phật đã làm. Phật vì chúng sanh thuyết dạy có tánh Phật. Những kẻ nhất-xiển-đề lẫn lộn trong vòng sanh tử, không thể thấy biết. Vì nghĩa ấy nên gọi là chẳng thấy những việc mà Phật đã làm. Lại nữa, kẻ nhất-xiển-đề thấy Như Lai buông bỏ tất cả mà vào Niết-bàn, bèn cho rằng đó thật là vô thường, như dù hết thì đèn phải tắt. Vì sao vậy? Vì nghiệp ác của kẻ ấy chẳng hề giảm bớt chút nào. Như có các vị Bồ Tát tạo những nghiệp lành, hồi hướng về quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tuy những kẻ nhất-xiển-đề chê bai, phá hoại, chẳng tin, nhưng các vị Bồ Tát vẫn bố thí cho họ, muốn họ cùng được thành đạo vô thượng. Vì sao vậy? Vì pháp của chư Phật là như thế!

*Làm ác, chẳng thọ liền,*

*Như sữa thành ra kem.*

*Như tro che phủ lửa,*

*Kẻ ngu khinh dể đạp.*

Nhất-xiển-đề, gọi là không có mắt, nên không thấy con đường của bậc A-la-hán; như bậc A-la-hán thì chẳng đi theo đường sanh tử hiểm ác. Vì không có mắt nên phải bán kính Phương đẳng, chẳng muốn tu tập; như bậc A-la-hán thì chuyên cần tu tập tâm từ. Những kẻ nhất-xiển-đề lại không tu tập kính Phương đẳng như vậy.

Như có người nói: ‘Nay tôi chẳng tin kinh điển Thanh văn, chỉ tin nhận Đại thừa, đọc tụng, giảng nói; nên tôi chính là Bồ Tát. Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Vì có tánh Phật nên trong thân chúng sanh có đủ mười sức, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Chỗ tôi thuyết dạy cũng chẳng khác gì Phật thuyết. Nay ông và tôi cùng phá vô lượng phiền não độc dữ, ví như người ta đập bể cái bình đựng nước. Phá xong các môi trói buộc ấy rồi<sup>57</sup> tất sẽ được thấy A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ Tuy kẻ ấy giảng nói như vậy, nhưng tự tâm lại chẳng tin rằng mình có tánh Phật. Chỉ vì lợi dưỡng nên theo những gì được nghe mà nói lại thế thôi. Kẻ giảng thuyết như vậy gọi là ác nhân. Nhưng kẻ ác ấy không thọ nhận quả báo nhanh chóng như là sữa biến thành kem.

Ví như vị sứ giả của vua, có tài đàm luận, khéo léo về phương tiện, vâng lệnh đến nước khác. Thà chịu mất mạng chứ không quên nói những điều vua đã căn dặn. Người có trí tuệ cũng thế, ở giữa những người phàm phu, không tiếc thân mạng, chỉ cốt tuyên thuyết cho được kinh Đại thừa Phương đẳng, tặng sâu kín của Như Lai: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’

Thiện nam tử! Có những kẻ nhất-xiển-đề giả hình dạng như A-la-hán, ở nơi trông trái vắng vẻ mà phỉ báng kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Những kẻ phàm phu thấy vậy đều cho rằng họ thật là A-la-hán, là Đại Bồ Tát ma-ha-tát. Những tỳ-kheo xấu nhất-xiển-đề ấy, ở nơi a-lan-nhã<sup>58</sup> nhưng phá hoại pháp a-lan-nhã. Thấy người khác được lợi, họ liền sanh lòng ganh ghét, nói rằng: ‘Những kinh điển Phương đẳng Đại thừa thấy đều do thiên ma Ba-tuần thuyết dạy.’ Họ cũng nói rằng: ‘Nhu Lai là pháp vô thường.’ Họ hủy diệt Chánh pháp, phá hoại Chúng tăng, lại nói rằng: ‘Đó là thuyết của Ba-tuần, chẳng phải thuyết thuận theo điều lành.’ Họ tuyên thuyết những pháp tà ác như vậy. Họ làm ác nhưng không chịu quả báo tức thì, cũng như sữa hóa thành kem; như đồng lửa phủ tro kín, kẻ ngu [không biết nên] khinh dể giẫm lên. Những kẻ như vậy, gọi là nhất-xiển-đề. Cho nên phải biết rằng kinh điển vi diệu Phương đẳng Đại thừa chắc chắn thanh tịnh, ví như hạt châu ma-ni,<sup>59</sup> ném vào nước đục thì nước liền lắng trong. Kinh điển Đại thừa lại cũng như vậy.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hoa sen, khi ánh nắng soi chiếu thì nở cả ra. Tất cả chúng sanh lại cũng như vậy, nếu được nghe thấy mặt trời Đại Niết-bàn, người chưa phát tâm cũng sẽ phát tâm, tạo nhân Bồ-đề. Vì vậy nên ta nói rằng hào quang của kinh Đại Niết-bàn vào nơi lỗ chân lông rồi ắt tạo thành nhân duyên màu nhiệm. Kẻ nhất-xiển-đề kia, dù có tánh Phật, nhưng bị vô lượng tội như buộc trói, không thể ra khỏi, ví như con tằm ở trong cái kén. Vì nghiệp duyên ấy không thể phát sanh nhân Bồ-đề màu nhiệm, phải xoay chuyển mãi trong vòng sanh tử, không lúc nào dứt được!

Lại nữa, thiện nam tử! Như những loại hoa sen ưu-bát-la, bát-đầu-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-ly<sup>60</sup> thấy đều từ nơi bùn lầy mà sanh ra, nhưng chẳng hề bị bùn lầy nhiễm ô. Chúng sanh tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn lại cũng như vậy, tuy có phiền não, nhưng rốt cùng chẳng bị phiền não nhiễm ô. Vì sao vậy? Vì biết được tánh, tướng và lực của Như Lai.

Thiện nam tử! Ví như ở xứ kia thường có nhiều luồng gió trong lành mát mẽ. Khi gió ấy chạm đến lỗ chân lông của chúng sanh thì có thể trừ được mọi sự bức rứt nóng nảy. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, vào khắp các lỗ chân lông của chúng sanh, tạo ra nhân duyên vi diệu Bồ-đề, chỉ trừ đôi với những kẻ nhất-xiển-đề. Vì sao vậy? Vì họ chẳng phải là pháp khí.<sup>61</sup>

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có vị lương y hiểu rõ tám loại thuốc, trị được tất cả các bệnh, chỉ trừ những kẻ nhất định phải chết. Các phép thiền định Tam-muội trong tất cả khế kinh lại cũng như vậy, có thể trị tất cả các bệnh phiền não như tham dục, sân hận, ngu si, có thể nhổ bật những mũi tên độc phiền não, nhưng không trị được những kẻ phạm Bốn giới cấm nặng và Năm tội vô gián.

Thiện nam tử! Lại có một vị lương y thông thạo cách dùng tám loại thuốc, có thể trừ mọi thứ bệnh khổ của chúng sanh, duy không thể trị cho kẻ nhất định phải chết.<sup>62</sup> Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, có thể trừ diệt tất cả phiền não của chúng sanh, khiến họ trụ yên nơi nhân màu nhiệm thanh tịnh của Như Lai, khiến những kẻ chưa phát tâm liền được phát tâm, duy trừ những kẻ nhất định phải chết là nhất-xiển-đề.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vị lương y có thể dùng thuốc hay mà trị các người bệnh mù, khiến họ trông thấy được ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú và tất cả hình sắc, chỉ không thể trị cho những kẻ mù bẩm sanh. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, có thể khai mở mắt huệ cho người trong hàng Thanh văn, Duyên giác, khiến họ trụ yên nơi kinh điển Đại thừa vô lượng vô biên; đối với người chưa phát tâm, người phạm Bốn giới cấm nặng, Năm tội vô gián, đều có thể khiến cho phát tâm Bồ-đề, duy trừ ra kẻ mù bẩm sanh là nhất-xiển-đề.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vị lương y thông thạo tám phép dùng thuốc, muốn trị tất cả bệnh khổ của chúng sanh, bèn dùng đủ mọi phương thuốc như thuốc gây nôn, thuốc xổ, thuốc xoa, thuốc xông hơi, thuốc nhỏ vào mũi, thuốc tán, thuốc hoàn. Như có người ngu không muốn uống thuốc, vị lương y đem lòng thương xót liền đưa người ấy về nhà, ép phải uống thuốc. Nhờ sức thuốc nên bệnh được dứt. Như có người đàn bà đang lúc sanh con nhưng đứa bé chẳng lọt lòng, liền cho uống thuốc. Uống xong liền sanh con được, và đứa con cũng an ổn không bệnh. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, dù đến nơi nào, vào nhà nào cũng trừ được vô lượng phiền não của chúng sanh. Đối với những kẻ chưa phát tâm, phạm Bốn giới cấm nặng, Năm tội vô gián, đều có thể khiến cho phát tâm, chỉ trừ ra những kẻ nhất-xiển-đề.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Những kẻ phạm Bốn giới cấm nặng và Năm tội vô gián, gọi là phạm những điều ác nặng nhất, như cây đa-la bị chặt đứt ngọn, vĩnh viễn không mọc trở lại. Nếu những kẻ ấy chưa phát tâm Bồ-đề, làm sao có thể khiến họ tạo nhân Bồ-đề?

Phật dạy: Thiện nam tử! Những chúng sanh ấy, như trong giấc mộng thấy mình đọa địa ngục, chịu các khổ não, liền sanh lòng hối hận: ‘Buồn thay cho chúng ta! Tự mình chuốc lấy tội này! Nếu nay tôi được thoát khỏi tội này, nhất định sẽ phát tâm Bồ-đề. Nay tự mắt tôi nhìn thấy, thật là nguy khổ quá mức!’ Sau khi tỉnh mộng, những kẻ ấy liền biết Chánh pháp, được quả báo lớn.

Như đứa trẻ kia, dần dần lớn lên thường suy nghĩ rằng: ‘Vị thầy thuốc ấy rất hay, hiểu rõ các phương thuốc. Khi ta còn ở trong thai, ông ấy cho mẹ ta uống thuốc. Nhờ thuốc ấy, mẹ ta được an ổn. Nhờ nhân duyên ấy ta được toàn mạng. Lạ thay cho mẹ ta! Bà chịu khổ não lớn, mang ta trong thai trọn đủ mười tháng. Sau khi sanh ta ra rồi, bà đặt ta ở chỗ khô, tự bà nằm chỗ ướt, dọn bỏ

những chất đại tiểu tiện dơ dáy của ta, cho ta bú mớm, nuôi dưỡng ta, chăm sóc ta. Vì lẽ ấy, ta phải báo ân, hết lòng nuôi mẹ, hầu hạ đêm ngày, tùy thuận phụng dưỡng. Những kẻ phạm Bốn giới cấm nặng và Năm tội vô gián, đến lúc lâm chung, nếu họ nhớ tới kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này, dù có phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ hay sanh lên cõi trời, cõi người, kinh điển này đều sẽ tạo nhân Bồ-đề cho họ, chỉ trừ bọn nhất-xiển-đề.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có vị lương y và người con của ông đều hiểu biết sâu sắc, giỏi hơn các vị lương y khác, thông thạo chú thuật vô thượng trừ độc. Như có rắn độc, rồng hay bò cạp, họ liền dùng chú thuật, niệm chú vào thuốc làm cho chúng trở nên hiền lành. Nếu dùng thuốc ấy mà bôi lên giày da, khi giày ấy chạm phải trùng độc thì chất độc tiêu tan, duy trừ một thứ độc gọi là nọc rồng lớn. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, như có chúng sanh phạm Bốn giới cấm nặng, Năm tội vô gián, kinh này có thể tiêu diệt tội báo, khiến các chúng sanh ấy trụ yên nơi Bồ-đề, cũng như thuốc bôi ở giày da làm tiêu các thứ độc. Đối với những chúng sanh chưa phát tâm, kinh này liền khiến cho phát tâm và trụ yên nơi đạo Bồ-đề. Món thuốc oai thần kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này có thể diệt trừ các độc, khiến chúng sanh được an vui, chỉ không trừ được một thứ độc nọc rồng lớn: đó là những kẻ nhất-xiển-đề.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có người kia, đem món thuốc độc còn mới, bôi lên một cái trống lớn, rồi đánh trống ấy lên giữa đám đông người. Mọi người tuy vô tình nghe tiếng trống ấy nhưng đều phải chết, chỉ trừ một người, là không thể chết đột ngột. Kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, bất kỳ ở nơi đâu, giữa các chúng sanh, có ai nghe tiếng giảng kinh này thì các tham dục, sân khuê, ngu si thảy đều tiêu diệt. Trong đó tuy có người vô tình mà nghĩ tưởng đến kinh Đại Niết-bàn này, nhờ sức nhân duyên ấy vẫn có thể trừ diệt phiền não, làm cho các mối trói buộc phải tự tan biến. Cho đến những kẻ phạm Bốn giới cấm nặng và Năm tội vô gián, khi nghe kinh này rồi cũng tạo ra được nhân duyên Bồ-đề vô thượng, dần dần sẽ dứt hết phiền não, chỉ trừ kẻ không thể chết đột ngột là hạng nhất-xiển-đề.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như đêm tối, tất cả mọi công việc thảy đều ngừng nghỉ. Nếu công việc nào chưa xong, phải chờ đến trời sáng. Người học Đại thừa, tuy tu tất cả pháp thiên định trong Khế kinh, nhưng phải chờ đợi mặt trời Đại thừa Đại Niết-bàn, nghe giáo lý sâu kín của Như Lai, rồi mới có thể tạo nghiệp Bồ-đề, trụ yên nơi Chánh pháp. Ví như trời mưa thấm nhuần và làm nảy nở tất cả các hạt giống lớn lên kết thành trái ngọt, trừ dứt nạn đói, mọi người được no đủ, vui vẻ. Mưa pháp vô lượng của tạng Như Lai sâu kín cũng vậy, có thể trừ được tám thứ bệnh nhiệt.<sup>63</sup> Kinh này ra đời, ví như trái cây kia, có nhiều lợi ích, làm cho tất cả được an lạc, khiến chúng sanh thấy được tánh Phật, như trong hội Pháp hoa có tám ngàn Thanh văn riêng được Phật thọ ký, sẽ được quả lớn.



Ví như mùa thu thu hoạch, mùa đông chứa trữ, rồi không còn công việc gì nữa cả. Những kẻ nhất-xiển-đề cũng vậy, đối với các pháp lành họ chẳng có công việc gì để làm nữa cả.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một vị lương y, nghe có con nhà kia bị loài phi nhân<sup>64</sup>bắt, bèn lấy thuốc hay rồi sai bảo một người rằng: ‘Ông mau đem thuốc này cho người ấy. Nếu người ấy gặp các quỷ thần dữ, nhờ sức thuốc này chúng sẽ lánh xa. Nếu ông chậm trễ, tôi sẽ tự đi, chớ nên để người ấy phải chết uổng mạng. Nếu bệnh nhân ấy được thấy sứ giả và oai đức của tôi, thì liền dứt được khổ não, vui vẻ an ổn.’ Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy. Nếu trong hàng tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cùng các ngoại đạo, có những người đủ sức thọ trì kinh điển này, đọc tụng thông thạo, lại vì người khác phân biệt giảng rộng, như tự mình sao chép hay nhờ người khác sao chép, thì những người ấy đều tạo ra nhân duyên Bồ-đề. Như những kẻ phạm Bốn giới cấm, Năm tội nghịch, hoặc bị tà quỷ độc ác bắt giữ, nếu nghe được kinh điển này thì tất cả những điều ác đều tiêu diệt, cũng như tà ma ác quỷ khi gặp lương y liền phải tránh xa. Nên biết rằng những người ấy thật là Đại Bồ Tát. Vì sao vậy? Nhờ được nghe kinh Đại Niết-bàn này trong chót lát, lại sanh ra ý tưởng Như Lai là thường tồn.

Được nghe kinh này trong chót lát còn như vậy, huống chi là sao chép, thọ trì, đọc tụng? [Cho nên những người được nghe kinh này], chỉ trừ những kẻ nhất-xiển-đề, còn lại đều là Đại Bồ Tát.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như những kẻ điếc chẳng nghe được âm thanh. Những kẻ nhất-xiển-đề cũng vậy, dù muốn lắng nghe kinh điển vi diệu này cũng không nghe được. Vì sao vậy? Vì bị điếc vậy.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một vị lương y thông đạt hết các phương thuốc, lại thêm biết rộng vô số chú thuật. Vị lương y ấy đến gặp vua, tâu rằng: ‘Đại vương! Nay ngài đang có bệnh phải chết.’ Vua đáp rằng: ‘Khanh chẳng thấy được những gì trong bụng trẫm, làm sao nói rằng trẫm có bệnh phải chết?’ Lương y đáp: ‘Như ngài không tin, vậy nên uống thuốc xổ. Sau khi xổ ra rồi, tự ngài sẽ thấy biết.’ Vua không chịu uống thuốc xổ. Lúc ấy, vị lương y dùng sức chú thuật, khiến hậu môn của vua lở loét, lại có cả trùng và máu lẫn theo ra khi vua đi tiêu. Thấy vậy rồi, vua lấy làm khiếp sợ, khen ngợi vị lương y ấy rằng: ‘Giỏi thay, giỏi thay! Trước khanh đã nói, nhưng trẫm không tin. Nay mới biết khanh làm chuyện lợi ích lớn cho thân trẫm đây vậy. Vua liền cung kính vị lương y dường như cha mẹ.

Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, đối với các chúng sanh, dù có tham dục hay không tham dục, kinh này có thể làm cho phiền não của họ đều rơi rụng. Các chúng sanh ấy, cho đến trong giấc mộng được thấy kinh này, thấy đều cung kính cúng dường, cũng như vị vua kia cung kính vị lương y. Vị đại

lượng y ấy, khi biết người bệnh nhất định phải chết thì không điều trị. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, không trị được những kẻ nhất-xiển-đề.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như lương y thông thạo tám phép dùng thuốc ắt có thể liệu trị hết thảy các bệnh, chỉ không thể trị cho kẻ nhất định phải chết. Chư Phật và chư Bồ Tát cũng vậy, có thể cứu độ cho hết thảy những người có tội, chỉ không cứu được những kẻ nhất định phải chết là nhất-xiển-đề.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vị lương y thông thạo tám phép màu nhiệm trong sách thuốc, lại còn hiểu biết rộng hơn cả tám phép ấy nữa. Trước hết, ông đem sự hiểu biết của mình mà dạy cho con, khiến con biết rõ tất cả mọi thứ cây thuốc trên cạn, dưới nước hoặc ở nơi núi rừng. Cứ như vậy, ông dần dần dạy cho con đủ tám phép trị bệnh, sau đó lại dạy đến những phương thuật khác màu nhiệm và cao trổi hơn hết.

Đức Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri cũng vậy, trước hết ngài dạy cho con là các vị tỷ-kheo về phương tiện dứt trừ tất cả phiền não, tu học quán tưởng toàn thân vốn không bền vững, đó là ví như dưới nước, trên cạn, hoặc ở nơi núi rừng. Dưới nước là ví thân chịu khổ [mong manh] như bọt nước. Trên cạn là ví thân chẳng bền vững như thân cây chuối. Ở nơi núi rừng là ví như ở trong phiền não mà tu tập phép tướng vô ngã. Vì nghĩa ấy, thân được gọi là vô ngã. Như vậy, Như Lai dần dần dạy cho các đệ tử giáo pháp chín bộ kinh, khiến cho thông thuộc rõ biết. Kế đó, ngài mới dạy về tạng Như Lai sâu kín. Ngài thuyết cho các đệ tử nghe: ‘Như Lai là thường tồn.’ Như vậy, Như Lai thuyết Đại thừa Điển Đại Niết-bàn Kinh, ngài tạo nhân Bồ-đề cho các chúng sanh đã phát tâm hoặc chưa phát tâm, chỉ trừ bọn nhất-xiển-đề.

Thiện nam tử! Kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này là vô lượng vô số như vậy, không thể nghĩ bàn, chưa từng có! Nên biết rằng kinh này là vị lương y cao trổi hơn hết, đáng tôn trọng nhất, đứng đầu trong tất cả kinh điển.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một chiếc thuyền lớn từ bờ biển bên này lướt sang bờ biển bên kia, lại từ bờ biển bên kia trở về bờ biển bên này. Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri lại cũng như vậy, ngài nương chiếc thuyền quý Đại thừa Đại Niết-bàn, đi qua lại mà cứu độ chúng sanh. Bất kỳ ở đâu, hễ có những chúng sanh có thể cứu độ, ngài đều khiến cho họ được thấy thân Như Lai. Vì nghĩa ấy, Như Lai được xưng là vị thuyền sư<sup>65</sup> cao trổi hơn hết. Cũng giống như khi có thuyền tất phải có thuyền sư, đã có thuyền sư tất phải có những chúng sanh vượt biển. Như Lai thường trụ, hóa độ chúng sanh lại cũng như vậy.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có người ở giữa biển cả, dùng thuyền [buồm] vượt biển. Nếu được gió thuận, trong chốc lát có thể đi được vô số do-tuần. Nếu không có gió, dù bao nhiêu năm cũng chẳng rời khỏi vị trí ban đầu.

Đến lúc thuyền hư hoại, sẽ bị chìm xuống nước mà chết. Chúng sanh cũng vậy, ở giữa biển lớn sanh tử ngu si, nương theo thuyền các hành. Nếu gặp được luồng gió Đại Bát Niết-bàn mạnh mẽ, ắt sẽ mau tới bờ đạo pháp Vô thượng. Nếu không gặp gió, ắt sẽ lưu chuyển lâu dài trong vô lượng sanh tử. Rồi khi thuyền các hành tan rã, sẽ đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có những người không gặp được gió lớn, phải ở lâu giữa biển cả, bèn tự nghĩ rằng: ‘Nay chúng ta chắc phải chết tại đây.’ Đang khi nghĩ như vậy thì bỗng gặp luồng gió thuận, liền theo đó mà vượt biển. Họ lại nói rằng: ‘Vui thích thay, ngọn gió này thật chưa từng có! Giúp chúng ta yên ổn qua khỏi được tai nạn giữa biển cả.’ Chúng sanh cũng vậy, ở lâu trong biển cả sanh tử ngu si, khôn khổ cùng lụy. Trong khi chưa gặp cơn gió Đại Niết-bàn này, hẳn phải nghĩ rằng: ‘Chúng ta chắc chắn sẽ phải đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.’ Đang khi nghĩ như vậy thì bỗng gặp luồng gió Đại thừa Đại Niết-bàn, liền thuận theo gió mà đi, vào được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, mới biết là chân thật, phát sanh ý tưởng cho là kỳ lạ, khen ngợi rằng: ‘Vui thích thay! Chúng ta chắc chắn sẽ phải đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.’ Đang khi nghĩ như vậy thì bỗng gặp luồng gió Đại thừa Đại Niết-bàn, liền thuận theo gió mà đi, vào được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, mới biết là chân thật, phát sanh ý tưởng cho là kỳ lạ, khen ngợi rằng: ‘Vui thích thay! Chúng ta từ xưa nay chưa từng nghe thấy tạng sâu kín như thế này của Như Lai. Lúc ấy họ liền phát sanh lòng tin trong sạch đối với kinh Đại Niết-bàn này.

Lại nữa, thiện nam tử! Như con rắn lột da, có chết mất chăng?

Bạch Thế Tôn, không.

Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, ngài dùng phương tiện thị hiện xả bỏ thân độc dữ. Có thể nói rằng Như Lai là vô thường, diệt mất chăng?

Bạch Thế Tôn, không thể.

Trong cõi Diêm-phù-đề này, Như Lai dùng phương tiện mà xả bỏ xác thân, cũng như con rắn kia lột bỏ bộ da cũ. Cho nên Như Lai gọi là thường trụ.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người thợ vàng gặp được loại vàng ròng tốt, tùy ý làm ra đủ món đồ dùng. Như Lai cũng vậy, ở trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu, ngài có thể thị hiện mọi thứ sắc thân, vì muốn giáo hóa chúng sanh vượt thoát khỏi sanh tử. Cho nên Như Lai gọi là thân không giới hạn. Tuy ngài thị hiện đủ mọi thân hình, nhưng vẫn gọi là thường trụ, không biến đổi.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây am-la và cây diêm phù, mỗi năm thay đổi ba lần: trong khi nở hoa màu sắc sáng lên rực rỡ, lúc đâm chồi lá xanh um rậm rạp, vào mùa rụng lá lại trông giống như khô chết.

Thiện nam tử! Ý ông thế nào? Cây ấy có thật là khô chết hay chẳng?

Bạch Thế Tôn! Không phải.

Thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, ở trong Ba cõi ngài thị hiện ba loại thân: có khi sơ sinh, có lúc trưởng thành, đến lúc lại vào Niết-bàn. Nhưng thân Như Lai thật chẳng phải là vô thường.

Bồ Tát Ca-diếp khen rằng: Lành thay, lành thay! Đúng như lời Phật dạy, Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi.

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN CHÍN

---o0o---

### QUYỂN MƯỜI

#### PHẨM TÁNH NHƯ LAI - Phẩm thứ tư

##### Phần bảy

Thiện nam tử! Lời sâu kín của Như Lai rất sâu xa, khó hiểu. Ví như vị đại vương bảo quần thân: ‘Đem tiên-đà-bà<sup>66</sup> đến đây.’ Chỉ một tiếng tiên-đà-bà mà có bốn nghĩa: một là muối, hai là cái bát, ba là nước, bốn là ngựa. Bốn món ấy đều gọi cùng một tên. Vị quan có trí tuệ khéo hiểu được tiếng ấy. Như khi vua tắm rửa, gọi tiên-đà-bà thì dâng nước. Như khi vua dùng cơm, gọi tiên-đà-bà thì dâng muối. Khi vua ăn xong muốn uống nước, gọi tiên-đà-bà thì dâng bát. Khi vua muốn dạo chơi, gọi tiên-đà-bà thì dâng ngựa. Như vậy, vị quan có trí tuệ khéo hiểu được bốn cách nói sâu kín của đại vương.

Kinh Đại thừa này cũng vậy, có đủ bốn lẽ vô thường...<sup>67</sup> Vị quan Đại thừa có trí tuệ phải khéo hiểu được bốn lẽ ấy. Như khi Phật ra đời, vì chúng sanh thuyết giảng Niết-bàn của Như Lai, người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai vì những kẻ chấp lẽ thường còn nên mới thuyết dạy tư tưởng vô thường, khiến các vị tỳ-kheo tu tập phép quán tưởng vô thường.

Hoặc khi Phật lại dạy: ‘Chánh pháp sắp diệt.’ Người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai vì những kẻ chấp lẽ vui thú nên thuyết dạy tư tưởng khổ, khiến các vị tỳ-kheo thường tu phép quán khổ.

Hoặc khi Phật lại dạy: ‘Nay ta bệnh khổ, Chúng tăng bị phá hoại.’ Người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai vì những kẻ chấp ngã nên thuyết dạy tư tưởng vô ngã, khiến các vị tỳ-kheo tu tập phép quán vô ngã.

Hoặc khi Phật lại dạy: ‘Cái gọi là không đó chính là giải thoát chân chánh. Người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai nói giải thoát chân chánh không có Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu, khiến các vị tỳ-kheo tu học phép quán không. Vì nghĩa ấy, giải thoát chân chánh gọi là không, cũng gọi là chẳng động. Gọi là chẳng động, đó là trong giải thoát không có khổ não. Cho nên chẳng động tức là giải thoát chân chánh, không có hình tướng. Gọi là không có hình tướng, nghĩa là không có các loại hình sắc, âm thanh, hương vị, xúc cảm. Cho nên gọi là không hình tướng. Giải thoát chân chánh thường tồn không biến đổi. Trong giải thoát ấy không có sự vô thường, nóng bức, biến đổi. Cho nên giải thoát chân chánh gọi là thường trụ, không biến đổi, trong mát.

Có khi Phật lại dạy: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Như Lai.’ Người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai thuyết dạy pháp thường tồn, khiến các vị tỳ-kheo tu pháp thường chân chánh. Nếu các vị tỳ-kheo có thể thuận theo đó mà tu học, nên biết rằng những người ấy thật là đệ tử của ta, khéo biết rõ tạng sâu kín của Như Lai, như vị quan có trí tuệ của đại vương kia hiểu rõ được ý vua.

Thiện nam tử! Như vị vua ấy còn có lời sâu kín, huống chi Như Lai lại chẳng có sao? Thiện nam tử! Cho nên giáo pháp sâu kín của Như Lai thật khó rõ biết được. Chỉ những người có trí tuệ mới có thể hiểu được pháp Phật rất thâm sâu, chẳng phải hạng phàm phu ở thế gian có thể đủ sức tin nhận.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây ba-la-xa, cây ca-ni-ca, cây a-thúc-ca, gặp khi nắng hạn chẳng sanh hoa trái. Cho đến các loài vật khác trên cạn dưới nước cũng đều khô héo, xác xơ, không được thấm nhuần ướt át, không thể tăng trưởng. Tất cả các loại cây thuốc đều không còn hiệu nghiệm.

Thiện nam tử! Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy. Sau khi ta diệt độ, nếu có những chúng sanh không chịu cung kính thì kinh này không có oai đức. Vì sao vậy? Vì các chúng sanh ấy không biết được tạng sâu kín của Như Lai. Vì sao vậy? Vì các chúng sanh ấy kém phước đức.

Lại nữa, thiện nam tử! Khi Chánh pháp Như Lai sắp diệt mất, bấy giờ sẽ có nhiều tỳ-kheo làm điều xấu ác, không rõ biết tạng sâu kín của Như Lai, lười nhác chậm chạp, không thể đọc tụng, tuyên dương, phân biệt Chánh pháp của Như Lai. Ví như kẻ trộm cướp ngu si, vất bỏ những món quý báu, lại đi gánh vác cỏ rơm! Vì họ chẳng hiểu tạng sâu kín của Như Lai, cho nên đối với kinh này lười nhác chẳng siêng năng. Thật nguy hiểm đáng thương thay! Đời vị lai đáng lo sợ thay! Khổ thay cho chúng sanh, không siêng năng nghe và thọ trì kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này. Chỉ có các vị Đại Bồ Tát mới có thể đối với kinh này nắm được nghĩa lý chân thật, không trôi buộc nơi văn tự, tùy thuận không trái nghịch, vì chúng sanh mà thuyết giảng.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cô gái chăn bò kia muốn bán sữa, vì tham lợi nên thêm vào hai phần nước, rồi bán cho cô gái chăn bò khác. Cô này mua được sữa rồi lại thêm vào hai phần nước nữa, đem bán cho một cô gái ở gần thành. Mua sữa rồi, cô gái ở gần thành lại thêm vào hai phần nước, rồi đem bán cho cô gái ở trong thành. Cô gái ở trong thành mua sữa rồi lại thêm vào hai phần nước, kể đem ra chợ bán. Lúc ấy, có một người cưới vợ cho con, cần loại sữa tốt để đãi khách liền đến chợ để mua, nhưng cô gái bán sữa ấy đòi giá đắt hơn gấp nhiều lần. Người ấy nói rằng: ‘Sữa của cô pha nhiều nước, chẳng đúng như lời hứa của cô. Nhưng ngay hôm nay tôi cần đãi khách nên mới mua. Người ấy nhận lấy sữa, về nhà nấu thành món cháo sữa nhưng nếm chẳng có vị sữa. Tuy chẳng có vị sữa, nhưng so với vị đắng thì vẫn hơn cả nghìn lần. Vì sao vậy? Vì vị sữa là hơn hết trong tất cả các mùi vị.

Thiện nam tử! Sau khi ta vào Niết-bàn, lúc Chánh Pháp chưa dứt, còn khoảng tám mươi năm, bảy giờ ở cõi Diêm-phù-đề kinh này sẽ được lưu truyền khắp nơi. Lúc ấy có những tỳ-kheo xấu ác cướp lấy kinh này rồi chia ra nhiều phần, có thể làm mất đi màu sắc, hương thơm và vị ngon của Chánh pháp. Những kẻ xấu ác ấy, tuy cũng đọc tụng kinh điển này, nhưng làm mất đi nghĩa lý cốt yếu sâu kín của Như Lai, đưa vào những lời lẽ hoa mỹ vô nghĩa của thế gian. Họ chép đoạn trước ra sau, đoạn sau ra trước, rồi lại chép đoạn trước và đoạn sau vào giữa, chép đoạn giữa vào nơi đoạn trước và đoạn sau. Nên biết rằng các tỳ-kheo xấu ác ấy là bạn hữu của ma. Họ thâm nhận và chứa trữ mọi vật bất tịnh, nói rằng: ‘Như Lai có cho phép tôi chứa trữ tất cả.’ Như cô gái chăn bò kia pha thêm nhiều nước vào sữa, các tỳ-kheo xấu ác cũng vậy, họ pha lẫn những lời thế tục làm sai lầm [ý nghĩa] kinh này, khiến nhiều chúng sanh chẳng nhận được sự thuyết dạy chân chánh, chẳng có được bản chép kinh chân chánh, cũng chẳng được nhận giữ kinh này một cách chân chánh để tôn trọng, ngợi khen, cúng dường cung kính. Các tỳ-kheo xấu ác ấy vì lợi dưỡng nên không thể truyền bá, lưu hành kinh này một cách rộng rãi. Chỗ truyền bá lưu hành của họ thật quá ít ỏi, không đáng kể.

Như cô gái chăn bò nghèo khổ kia bán sữa qua nhiều người, cho đến khi nấu thành cháo thì chẳng còn mùi vị của sữa. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, lưu chuyển nhiều nơi mà trở nên mỏng manh, nhạt nhẽo, chẳng còn khí vị. Tuy chẳng còn khí vị, nhưng vẫn còn hơn các kinh khác cả ngàn lần. Cũng như mùi vị sữa kia so với vị đắng vẫn còn hơn cả ngàn lần. Vì sao vậy? Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này, so với kinh điển của Thanh văn là bậc cao trời, cũng như sữa bò là vị ngon hơn hết trong tất cả các mùi vị. Vì nghĩa ấy nên gọi kinh này là Đại Niết-bàn.

Lại nữa, thiện nam tử! Tất cả mọi người, ai cũng cầu được làm thân nam tử. Vì sao vậy? Vì tất cả người nữ đều phải chịu mọi sự xấu kém.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như nước tiểu của con muỗi thì không thể làm cho khắp cõi đất này thấm ướt. Lòng dục khó thỏa của người nữ cũng giống như vậy. Ví như mang hết thảy cõi đất này vo lại thành những viên nhỏ như hạt cải, với số đàn ông nhiều như số hạt cải ấy cùng ăn nằm với một người đàn bà cũng không thể đủ! Giả sử đàn ông nhiều đến như số cát sông Hằng cùng làm việc dâm dục với một người đàn bà, cũng không thể đủ!

Thiện nam tử! Ví như biển cả, hết thảy nước mưa trên trời đổ xuống và nước ở trăm sông đều chảy dồn về, nhưng biển vẫn chưa từng đầy tràn. Người đàn bà cũng thế, ví như tất cả [loài người] đều là đàn ông, cùng ăn nằm với một người đàn bà cũng vẫn không đủ!<sup>68</sup>

Lại nữa, thiện nam tử! Như cây a-thúc-ca, cây ba-trá-la, cây ca-ni-ca, đến mùa xuân trở hoa, loài ong đến hút lấy hết vị tinh tế trong sắc đẹp và hương thơm của các hoa ấy, nhưng vẫn không biết chán. Người đàn bà ham muốn đàn ông cũng như thế, chẳng hề biết chán.

Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên những kẻ nam người nữ được nghe kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này thường nên chê bỏ thân tướng nữ nhân và cầu được thân nam tử. Vì sao vậy? Vì kinh điển Đại thừa này có tướng trượng phu, ấy là tánh Phật. Nếu ai không biết tánh Phật ắt không có tướng nam tử. Vì sao vậy? Vì chẳng tự biết mình có tánh Phật.

Như ai không biết được tánh Phật, ta gọi những người ấy là nữ nhân. Như ai tự biết mình có tánh Phật, ta nói rằng người ấy có tướng trượng phu.<sup>69</sup>

Như có những người nữ nào có thể biết rằng tự thân quyết có tánh Phật, nên biết rằng những người ấy tức là nam tử.

Thiện nam tử! Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này gồm thâu các công đức vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì thuyết giảng được tạng sâu kín của Như Lai. Cho nên những kẻ nam người nữ nào muốn mau chóng biết được tạng sâu kín của Như Lai thì nên tùy phương tiện mà siêng năng tu tập kinh này.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, như vậy! Đúng như lời Phật dạy, nay con nhờ có tướng trượng phu nên được vào tạng sâu kín của Như Lai. Hôm nay đức Như Lai vừa khai ngộ cho con, nhân đó con chắc chắn sẽ được thông đạt.

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông tùy thuận pháp thế gian mà nói như vậy.

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa: Con chẳng tùy thuận pháp thế gian.

Phật khen Ca-diếp rằng: Lành thay, lành thay! Nay ông đã biết được mùi vị của pháp cao trời hơn hết, rất thâm sâu khó biết, thế mà ông được biết. Như loài ong hút lấy mùi vị tinh tế nhất, ông cũng như vậy.

Lại nữa, thiện nam tử! Như nước tiểu của con muỗi chẳng thể thấm ướt khắp cõi đất này. Sự lưu hành phân bố của kinh này trong tương lai cũng vậy, [không thể nào đủ khắp]. Cũng như nước tiểu của loài muỗi, kinh này về thuở Chánh pháp sắp diệt sẽ bị mất đi ở cõi đất này trước hết. Nên biết rằng đó tức là tướng suy của Chánh pháp.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vừa qua hết mùa hạ, tháng đầu mùa thu trời mưa liên miên nhiều ngày. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, vì các vị Bồ Tát ở phương Nam mà sẽ tuôn mưa pháp thấm đẫm khắp nơi. Khi Chánh pháp sắp dứt mất, kinh này sẽ đến xứ Kê Tân,<sup>70</sup> đầy đủ không thiếu, được chôn giấu trong lòng đất. Hoặc có người tin, hoặc có người không tin, pháp vị cam lộ của kinh điển Phương đẳng Đại thừa này cũng sẽ nằm sâu trong lòng đất. Kinh này mất đi rồi, tất cả các kinh điển Đại thừa cũng đều sẽ dứt mất. Nếu như ai có được kinh này, đầy đủ không thiếu, đó là bậc cao quý vượt trội giữa loài người. Các vị Bồ Tát nên biết rằng Chánh pháp vô thượng của Như Lai còn chẳng bao lâu nữa sẽ dứt mất.

Lúc ấy, Bồ Tát Văn-thù-sur-lợi bạch Phật: Thế Tôn! Nay Thuần-đà còn có lòng nghi, xin Như Lai phân biệt [giảng nói] lần nữa để dứt trừ lòng nghi của ông ấy.

Phật dạy: Thiện nam tử! Ông ấy có lòng nghi như thế nào hãy nói ra đi, ta sẽ dứt trừ cho.

Văn-thù-sur-lợi bạch Phật: Thuần-đà có lòng nghi rằng: ‘Như Lai thường trụ là nhờ sức thấy biết được tánh Phật. Nếu thấy tánh Phật rồi là thường, thì lúc chưa thấy đáng lẽ phải là vô thường. Nhưng nếu trước đã vô thường, về sau đáng lẽ cũng như thế. Vì sao vậy? Như những vật ở thế gian trước vốn là không, nay lại thành có, rồi từ có trở lại thành không. Những vật như vậy đều là vô thường. Theo nghĩa ấy thì chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác chẳng khác gì nhau.

Lúc ấy, Thế Tôn liền thuyết kệ rằng:

*Vốn là có mà nay thành không,*

*Vốn là không mà nay thành có,*

*Nếu nói trong Ba đời có pháp,<sup>71</sup>*



*Thật không thể có nghĩa như thế!*

Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác có chỗ khác nhau mà cũng không khác nhau.

Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi ngợi khen rằng: Lành thay! Đúng như lời dạy của Thế Tôn. Nay con mới hiểu rằng chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác có chỗ khác nhau mà cũng không khác nhau.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Như Phật có dạy rằng tánh của chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác vốn không khác biệt. Xin Như Lai phân biệt giảng rộng để làm lợi ích an vui cho hết thảy chúng sanh.

Phật dạy: Thiện nam tử! Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ. Ta sẽ vì các ông mà giảng nói.

Thiện nam tử! Ví như một người con nhà trưởng giả kia, nuôi rất nhiều bò sữa, có đủ các sắc lông, thường giao cho một người chăn giữ, chăm sóc. Một hôm, người ấy muốn cúng tế nơi đền thờ nên vắt hết sữa của các con bò, cho vào một cái thùng. Người ấy thấy sữa toàn một màu trắng, lấy làm kinh quái, nghĩ rằng: ‘Bò có màu lông khác nhau, vì sao sữa lại chỉ có một màu?’ Người ấy liền suy nghĩ rằng: ‘Như vậy, tất cả đều do nhân duyên nghiệp báo của chúng sanh nên khiến cho sữa chỉ có một màu.’

Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát cũng vậy, thấy đều đồng một tánh Phật, cũng như chất sữa kia [cùng một màu] vậy. Vì sao thế? Vì thấy đều dứt sạch phiền não. Nhưng chúng sanh vẫn nói rằng Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác đều có khác biệt. Có những vị Thanh văn và người phàm phu có lòng nghi đối với Ba thừa: ‘Tại sao không khác nhau?’ Các chúng sanh ấy lâu về sau mới tự hiểu ra rằng tất cả Ba thừa đều đồng một tánh Phật, cũng như người chủ bò kia tỉnh ngộ mà hiểu rằng màu sắc của sữa là do nhân duyên nghiệp báo của chúng sanh.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như chất khoáng vàng được nung luyện sạch hết cặn bẩn thành vàng ròng, từ đó mới có giá trị vô cùng. Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát cũng thế, đều được thành tựu cùng một tánh Phật. Vì sao vậy? Vì dứt trừ phiền não, cũng như khoáng vàng kia lọc bỏ những chất cặn bẩn. Vì nghĩa ấy nên tất cả chúng sanh đều cùng một tánh Phật chẳng khác gì nhau. Vì trước được nghe tạng sâu kín của Như Lai nên sau mới thành Phật, tự nhiên được rõ biết, cũng như ông trưởng giả kia biết được sữa chỉ có một màu. Vì sao vậy? Vì đã dứt sạch vô số phiền não.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, thì Phật với chúng sanh có khác gì nhau? Thuyết giảng như vậy thật quá

sai lầm! Nếu như chúng sanh đều có tánh Phật, vì nhân duyên gì mà những người như ông Xá-lợi-phất đều vào Niết-bàn bậc hạ? Hàng Duyên giác đều vào Niết-bàn bậc trung? Hàng Bồ Tát lại vào Niết-bàn bậc thượng? Tất cả mọi người nếu cùng một tánh Phật, vì sao chẳng cùng vào Niết-bàn của Như Lai?

Phật dạy: Thiện nam tử! Niết-bàn mà chư Phật Thế Tôn chúng đấng không phải chỗ chứng đắc của hàng Thanh văn, Duyên giác. Vì nghĩa ấy, Đại Bát Niết-bàn gọi là sự hiện hữu tốt đẹp. Thế gian dù không có Phật vẫn có những người trong Hai thừa chúng đấng hai bậc Niết-bàn.

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: Nghĩa ấy như thế nào?

Phật dạy: Trải qua vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp mới có một đức Phật ra đời chỉ bày giảng rõ Ba thừa.

Thiện nam tử! Như ông vừa nói đó, Bồ Tát với hàng Nhị thừa chẳng khác biệt nhau. Trước đây, ở tạng sâu kín của Như Lai trong kinh Đại Niết-bàn này đã có thuyết giảng nghĩa đó. Các vị A-la-hán chưa phải [đạt đến] sự hiện hữu tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì tất cả các vị A-la-hán [cuối cùng] đều sẽ đạt đến Đại Niết-bàn này. Vì nghĩa ấy nên Đại Bát Niết-bàn mới có được niềm vui hoàn toàn, rõ ràng. Vì thế nên gọi là Đại Bát Niết-bàn.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Như Phật vừa dạy, nay con mới biết được nghĩa khác nhau và chẳng khác nhau. Vì sao vậy? Vì tất cả Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác, [cuối cùng rồi] trong đời vị lai đều sẽ về nơi Đại Bát Niết-bàn, cũng như các dòng nước đều về nơi biển cả. Cho nên hàng Thanh văn, Duyên giác thầy đều gọi là thường, chẳng phải vô thường. Vì nghĩa ấy nên có chỗ khác nhau mà cũng không khác nhau.

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là tánh khác nhau?

Phật dạy: Thiện nam tử! Hàng Thanh văn ví như sữa, hàng Duyên giác ví như kem sữa, hàng Bồ Tát ví như bơ sữa, chư Phật Thế Tôn ví như đề-hồ.<sup>72</sup> Vì nghĩa ấy, trong kinh Đại Niết-bàn này ta nói bốn loại tánh khác biệt nhau.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch: Tánh tướng của tất cả chúng sanh là như thế nào?

Phật dạy: Thiện nam tử! Như con bò cái mới sanh con, sữa và máu chưa phân biệt. Tánh phàm phu lẫn lộn các phiền não cũng giống như vậy.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch: Trong thành Câu-thi-na có người dòng chiêm-đà-la tên là Hoan Hỷ. Phật có thọ ký cho người ấy rằng, nhờ một lần phát tâm mà sẽ mau chóng được thành đạo Vô thượng Chánh giác trong thế giới này, năm

trong số một ngàn đức Phật sẽ ra đời. Vì sao Như Lai chẳng thọ ký cho những người như tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... được sớm thành Phật đạo?

Phật dạy: Thiện nam tử! Có những Thanh văn, Duyên giác hoặc Bồ Tát phát thệ nguyện rằng: ‘Tôi sẽ hộ trì Chánh pháp rất lâu, rồi sau mới thành Phật đạo vô thượng.’ Vì [những người] phát nguyện nhanh chóng mới thọ ký [cho họ] nhanh chóng [thành Phật].

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như nhà buôn kia có một vật báu vô giá, mang đến chợ bán. Những kẻ ngu nhìn thấy không biết, chê cười. Người chủ vật báu nói to rằng: ‘Hạt châu báu của tôi đây giá trị vô cùng.’ Họ nghe rồi lại cười nữa, thay đều bảo nhau rằng: ‘Đây chẳng phải hạt châu thật, chỉ là pha lê thôi.’

Thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng vậy. Nếu nghe việc mau chóng thọ ký, ắt sẽ biếng nhác, chê cười, khinh dễ, như những kẻ ngu kia chẳng biết vật báu thật.

Trong đời vị lai sẽ có những tỳ-kheo không chịu chuyên cần tu tập thiện pháp; họ bần cùng khổ khổ, bức thiết vì nỗi đói khát, vì thế mới xuất gia để được no ấm tâm thân. Tâm ý họ dễ duôi, đời sống gian tà, bợ đỡ nịnh hót. Nếu họ nghe hàng Thanh văn được Như Lai thọ ký sớm thành Phật, ắt họ sẽ cười to, khinh mạn, chế nhạo. Nên biết rằng đó là bọn phá giới, họ tự nói rằng chúng đắc quả thánh.

Vì lẽ ấy nên tùy theo sự phát nguyện nhanh chóng mà được thọ ký nhanh chóng. Người [phát tâm] hộ trì Chánh pháp [dài lâu] thì thọ ký lâu xa mới thành Phật.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát làm thế nào để quyền thuộc khỏi bị hư hoại?

Phật bảo Ca-diếp rằng: Như những Bồ Tát nào chuyên cần tinh tấn, dốc lòng hộ trì Chánh pháp, nhờ nhân duyên ấy, quyền thuộc khỏi bị hư hoại.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà môi miệng của chúng sanh khô khan, nóng phỏng?

Phật dạy Ca-diếp rằng: Như ai không biết rằng Tam bảo là thường tồn, do nhân duyên ấy môi miệng họ bị khô khan, nóng phỏng. Ví như người trong miệng khó chịu, chẳng phân biệt được sáu vị: ngọt, đắng, cay, chua, mặn, nhạt. Tất cả chúng sanh ngu si không trí tuệ, chẳng biết Tam bảo là pháp thường tồn, nên gọi là môi miệng khô khan, nóng phỏng.

Lại nữa, thiện nam tử! Như có chúng sanh chẳng biết Như Lai là thường trụ, nên biết rằng họ là những kẻ đui mù bẩm sanh. Những ai biết rằng Như Lai là thường trụ, dù chỉ có mắt thịt nhưng ta cũng gọi họ là có thiên nhãn.

Lại nữa, thiện nam tử! Như ai có thể biết rằng Như Lai là thường, nên biết rằng những người ấy tu tập kinh điển này đã lâu. Ta nói rằng những người ấy là có thiên nhãn. Dù ai có thiên nhãn mà không biết rằng Như Lai là thường tồn thì ta gọi những kẻ ấy là mang mắt thịt. Hạng người ấy thậm chí không biết được thân thể tay chân của chính họ, cũng không thể làm cho kẻ khác biết được. Vì nghĩa ấy nên gọi là kẻ mang mắt thịt.

Lại nữa, thiện nam tử! Như Lai thường vì tất cả chúng sanh mà làm cha mẹ. Vì sao vậy? Tất cả chúng sanh, đủ mọi hình tướng, chủng loại, như loài có hai chân, bốn chân, nhiều chân, hoặc không có chân, Phật chỉ dùng một giọng nói mà thuyết pháp với họ, nhưng chúng sanh loài nào cũng hiểu được, thấy đều khen rằng: ‘Hôm nay Như Lai vì tôi mà thuyết pháp.’ Bởi nghĩa ấy, nên gọi Như Lai là cha mẹ.

Lại nữa, thiện nam tử! Như người kia sanh một đứa con mới được mười sáu tháng. Tuy có nói chuyện, nhưng trẻ chưa thể hiểu được. Cha mẹ muốn dạy trẻ nói, trước hết phải nói một giọng theo nó, rồi dần dần mới dạy nó. Vậy giọng nói theo như trẻ của cha mẹ có gọi là không đúng hay chẳng?

Bạch Thế Tôn! Không phải vậy.

Thiện nam tử! Chư Phật Như Lai cũng vậy, tùy theo đủ loại tiếng nói của chúng sanh mà thuyết pháp, vì muốn giúp cho họ trụ yên nơi Chánh pháp. Tùy theo ý muốn của chúng sanh mà thị hiện đủ mọi hình tướng. Như Lai nói theo đồng một giọng nói với chúng sanh, vậy có gọi là không đúng hay chẳng?

Bạch Thế Tôn! Không phải vậy. Vì sao? Vì chỗ thuyết dạy của Như Lai dường như tiếng sư tử rống, tùy theo đủ mọi âm thanh của thế gian mà diễn giải, thuyết giảng giáo pháp mầu nhiệm.

---o0o---

**Hết**

---

<sup>1</sup> Ngã và ngã sở: ngã là ta, ngã sở là những gì thuộc về ta, những gì mà ta sở hữu. Nếu biết cái ta (ngã) vốn đã là không thật, thì những vật do ta sở hữu (ngã sở) cũng không thật có.

---

<sup>2</sup> Bậc cao nhất chẳng sợ (Vô thượng vô sở úy): tôn xưng đức Phật, là bậc cao thượng hơn hết, chẳng ai bằng, đã trừ hết mọi lo âu, sầu não, không còn có sự sợ sệt đối với muôn pháp.

<sup>3</sup> Pháp thân Xá-lợi. Xá-lợi của Phật có hai loại:

– Sanh thân Xá-lợi: Tro cốt của Phật sau khi thiêu nhục thân của ngài còn lại, được thờ trong các chùa tháp.

– Pháp thân Xá-lợi: Diệu pháp mà Phật để lại, tức là giáo pháp thường trụ mà Phật đã thuyết dạy trong kinh điển.

<sup>4</sup> Câu cuối đoạn này có vẻ như thừa. Tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiền không có câu này.

<sup>5</sup> Chúng tôi đã tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh để hiểu rõ ý câu này: Nhất thiết pháp thị khổ, thị tắc đoạn diệt thuyết; nhất thiết pháp thị lạc, thị tắc kế thường thuyết.

<sup>6</sup> Nguyên bản câu này là: Tu dư pháp khổ giả giai danh bất thiện. Bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch câu tương đương là: Dị pháp tu khổ giả tắc thuyết bất thiện phần. So sánh hai bản và tham khảo thêm văn số giải thì hiểu rằng dư pháp hay dị pháp ở đây chỉ đến các pháp [quyền thừa phương tiện] khác với pháp môn đang được thuyết giảng, tức là pháp trung đạo, pháp Đại thừa.

<sup>7</sup> Trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiền có thêm một câu giúp rõ nghĩa hơn: Kế thường cập đoạn diệt, thị kiến nhị câu ly. (Lìa bỏ cả hai quan điểm chấp thường và chấp đoạn.)

<sup>8</sup> Đoạn này dựa theo quan điểm cho rằng con người sở dĩ có bệnh là do sự tương khắc, không đồng đều của bốn đại, làm cho cơ thể phát triển không hài hòa. Vì thế, vị thầy thuốc chỉ cần điều chỉnh được sự mất cân đối đó là có thể làm cho bệnh tật mất đi.

<sup>9</sup> Nhân trung sư tử (sư tử trong loài người) một tôn hiệu để xưng tán đức Phật, là bậc dũng mãnh hơn hết trong loài người, như sư tử là loài thú oai mãnh hơn hết trong các loài thú. Có khi cũng dùng Nhân hùng sư tử.

<sup>10</sup> Vô minh, hành, thức... là những yếu tố trong Mười hai nhân duyên (Thập nhị nhân duyên), giải thích về sự hình thành và vận hành của tất cả các pháp.

<sup>11</sup> Có ba cách giải thích. Một thuyết cho rằng ở đây chỉ loài cỏ ngà voi (tượng nha thảo), khi trời có sấm sét thì trở hoa. Thuyết thứ hai cho rằng trong kinh có nói đến loài voi khi nghe tiếng sấm thì trên ngà của chúng trở ra hoa. Thuyết thứ ba nói rằng không có hoa được sanh ra, nhưng là trên các ngà voi hiện lên những đường vân có hình như vân hoa. Chúng tôi xét rằng: Thuyết thứ nhất võ đoán chữ thảo (cỏ), trong kinh văn không có; thuyết thứ hai nói là trong kinh nói nhưng không nói là kinh nào, đã thử tìm cũng không thấy. Vì thế, chúng tôi chọn tin theo thuyết thứ ba. Tuy nhiên, tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiền thì ở chỗ này thấy dịch là: Thí như xuân nguyệt hưng đại vân lôi nhi vị hàng vũ, thảo mộc hoa quả giai vị manh nha, hạ thời đại vũ nhất thiết phù số. (Ví như vào mùa xuân sấm sét nổi lên nhưng chưa đổ mưa, cây cỏ hoa trái đều chưa nảy mầm, đến mùa hạ trời đổ mưa lớn thì mới giúp ích

---

cho tất cả.) Mặc dù vậy, khi so với bản dịch của ngài Đàm-vô-sám thì những đoạn tiếp theo thiếu rất nhiều chi tiết nên ở chỗ này chúng tôi vẫn tin vào bản dịch của ngài Đàm-vô-sám hơn.

<sup>12</sup> Khế kinh, dịch âm là Tu-đa-la, còn gọi là Khế phạm, Khế tuyền, tức là những kinh văn khế hợp theo căn cơ chúng sanh mà Phật thuyết giảng. Vì tùy theo mỗi hạng chúng sanh đều được phù hợp nên gọi là khế. Cũng hiểu theo hai nghĩa là khế lý (phù hợp về lý lẽ) và khế cơ (phù hợp về căn cơ). Khế kinh chỉ cho hầu hết kinh điển do đức Phật tùy căn cơ của chúng sanh mà thuyết ra, nên cũng thường gọi tắt là kinh.

<sup>13</sup> Các hạnh ba-la-mật: dịch âm là Ba-la-mật-đa, gọi tắt là Ba-la-mật, Hán dịch nghĩa là đạo bị ngạn, nghĩa là đến bờ bên kia. Đây là sáu hạnh lớn của hàng Bồ Tát, bao gồm: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí huệ

<sup>14</sup> Thập trụ: Hàng Bồ Tát ở trụ ở địa vị thứ mười là địa vị cao nhất trong mười địa vị, bao gồm: 1. Phát tâm trụ, 2. Trì địa trụ, 3. Tu hành trụ, 4. Sanh quý trụ, 5. Phương tiện cụ túc trụ, 6. Chánh tâm trụ, 7. Bất thoái trụ, 8. Đồng chân trụ, 9. Pháp vương tử trụ, 10. Quán đỉnh trụ.

<sup>15</sup> Thư lại: người làm công việc ghi chép, giống như thư ký ngày nay.

<sup>16</sup> Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu phẩm Văn tự thứ 13 (Văn tự phẩm đệ thập tam). Bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh cũng phân chia và gọi tên giống như vậy, nhưng đây là phẩm thứ 14 (Văn tự phẩm đệ thập tứ).

<sup>17</sup> Câu này trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiền có nội dung khác hẳn: Nhất thiết ngôn thuyết chú thuật ký luận, Như Lai sở thuyết vi nhất thiết bản. (Tất cả những ngôn thuyết, chú thuật, ký luận... đều lấy chỗ thuyết dạy của Như Lai làm căn bản.)

<sup>18</sup> Từ đoạn này trở đi, Phật lần lượt giảng nghĩa các âm của chữ viết. Chữ viết đang nói ở đây là chữ Phạn (Sanskrit).

<sup>19</sup> Túc chữ a giọng ngắn trong âm tiếng Phạn, có độ ngân ngắn nên gọi là a ngắn. Trong Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh đều dịch là đoản a. Ở đây dùng chữ ác có lẽ vì cách phát âm a tất giọng lại gần giống như chữ ác.

<sup>20</sup> Chín lỗ (cửu khổng): chỉ chín lỗ thông giữa cơ thể với môi trường bên ngoài, gồm 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, 2 lỗ con mắt, miệng và 2 lỗ đại, tiểu tiện.

<sup>21</sup> Tam hữu : Ba cõi có những chúng-sanh quay đi lộn lại, sanh tử luân hồi. Ấy là: Dục-giới, sắc-giới, Vô sắc giới.

<sup>22</sup> Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh đều dịch là trường a để phân biệt với chữ a ngắn ở trước.

<sup>23</sup> Tam Tôn: Ba bậc đáng tôn kính: Phật, Pháp, Tăng. thường gọi là Tam bảo.

<sup>24</sup> Túc âm y giọng ngắn. Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch là đoản y.

<sup>25</sup> Các bản khác hiện nay đều khắc chữ Phật pháp, nhưng chúng tôi tin theo cổ bản. Hơn nữa, đoạn tiếp theo sẽ nói về pháp Phật, nên đoạn này nói tánh Phật cũng là hợp lý.

<sup>26</sup> Trong Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch là trường y.

---

<sup>27</sup> Bốn vị Tụ Tại: Tức bốn vị Hộ Thế Thiên vương, ở lưng chừng núi Tu-di, có phận sự hộ pháp ở bốn phương trong thế giới: 1. Trì Quốc Thiên vương, quản lãnh phương đông 2. Quảng Mục Thiên vương, quản lãnh phương tây 3. Tăng Trưởng Thiên vương, quản lãnh phương nam 4. Đa Văn Thiên vương, quản lãnh phương bắc.

<sup>28</sup> Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh đều dịch là đoàn ưu, tức là chữ ưu ngắn.

<sup>29</sup> Trong Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch là trường ưu.

<sup>30</sup> Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh đều dịch là yết.

<sup>31</sup> Con tầm làm kén, không thể ra ngoài cái kén; con bọ hung chui vào đồng phân, loay hoay mãi cũng không ra khỏi đồng phân.

<sup>32</sup> Mười sức của Phật (Thập lực), cũng gọi là Mười trí lực (Thập trí lực), bao gồm: 1. Tri thị xứ phi xứ trí lực, 2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực, 3. Tri chư thiên giải thoát tam-muội trí lực, 4. Tri chúng sanh tâm tánh trí lực, 5. Tri chủng chủng giải trí lực, 6. Tri chủng chủng giới trí lực, 7. Tri nhất thiết sở đạo trí lực, 8. Tri thiên nhân vô ngại trí lực, 9. Tri túc mạng vô lậu trí lực, 10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực.

<sup>33</sup> Ba mũi tên (Tam tiễn): Ba mũi tên độc giết hại người, chỉ Ba độc: tham, sân, si.

<sup>34</sup> Điều-bà-đạt: tên gọi khác của Đề-bà-đạt-đa.

<sup>35</sup> Âm, nhập, giới: Ba phần cấu tạo nên sự hiện hữu của con người, của chúng sanh. Âm là Năm âm (hay Năm uẩn): sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhập là mười hai nhập: sáu căn nhập với sáu trần, sáu trần nhập với sáu căn. Giới là mười tám giới: do sáu căn hợp với sáu trần và sáu thức.

<sup>36</sup> Theo Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh thì từ đây bắt đầu phẩm Điều dụ. Nam bản là phẩm 14, còn trong Đại Bát Nê-hoàn kinh là phẩm 15.

<sup>37</sup> Ca-lân-đề, cũng đọc là ca-già-lân-địa, là một loài chim biển rất đẹp, cùng họ với chim uyên ương. Các loài chim này con trống và con mái luôn theo sát nhau, không lúc nào rời xa. Vì thế trong văn chương thường dùng hình ảnh uyên ương để ví những cặp vợ chồng hay tình nhân luôn gắn bó quấn quýt nhau.

<sup>38</sup> Vô tướng thiên: tức là cảnh giới Vô sở hữu xứ, thuộc cõi Vô sắc giới, nằm dưới cảnh trời cao nhất là Phi tướng phi phi tướng xứ. Người tu hành đạt đến Vô tướng định thì thần thức vượt đến cảnh giới Vô tướng thiên.

<sup>39</sup> Phi tướng phi phi tướng xứ: Chư thiên thần ở cảnh trời này chẳng phải tướng chẳng phải không tướng. Cũng gọi là Hữu đỉnh thiên, là cảnh trời cao nhất trong cõi Vô sắc giới, cũng là cao nhất trong Ba cõi. Người tu hành đạt đến Phi tướng phi phi tướng định thì thần thức vượt đến cảnh giới Phi tướng phi phi tướng xứ.

<sup>40</sup> Đây chỉ sự già chết (lão tử) là một trong 12 nhân duyên, vốn sanh khởi do sự hiện hữu hòa hợp của các hành. Vì thế, nếu hành giả đạt đến cảnh giới phá trừ hết thấy các hành như vừa nói ở đoạn trên thì không còn có sự già chết.

<sup>41</sup> Chấp hữu: kiến chấp sai lầm cho rằng thật có sự hiện hữu của những yếu tố thật ra là hư huyền.

---

<sup>42</sup> Đây nói pháp thường trụ và pháp thị hiện của Như Lai vốn thật không tách rời nhau, như các loài chim uyên ương, ca-lân-đề luôn đi với nhau thành cặp.

<sup>43</sup> Trong Nam bản là phẩm Nguyệt dụ thứ 15, theo bản dịch kinh Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển thì đây cũng là phẩm Nguyệt dụ, nhưng là phẩm thứ 16.

<sup>44</sup> Chúng ta không thể không lấy làm ngạc nhiên với sự giải thích này vào thời đức Phật! Mãi cho đến nhiều thế kỷ về sau phương Tây vẫn chưa hiểu đúng được về hiện tượng mọc lặn của mặt trời, mặt trăng, vẫn không thể hình dung đúng rằng trái đất là một quả cầu lơ lửng giữa không trung, nhưng từ thời đó đức Phật đã mô tả hiện tượng mọc lặn, tròn khuyết của mặt trăng không khác gì chúng ta ngày nay!

<sup>45</sup> Năm tội nghịch (Ngũ nghịch tội): 1. Giết cha, 2. Giết mẹ, 3. Giết A-la-hán, 4. Phá Hòa hiệp Tăng, 5. Làm thân Phật chảy máu. Kẻ phạm Năm tội nghịch này, sau khi chết đọa vào Địa ngục Vô gián, nên cũng gọi năm tội ấy là Ngũ Vô gián tội.

<sup>46</sup> Nhất-xiển-đề: từ dịch âm tiếng Phạn, chỉ người hoàn toàn không có lòng tin nơi Phật pháp, nên cũng dịch nghĩa là đoạn thiện căn hay tín bất cụ túc.

<sup>47</sup> Phiên âm từ Phạn ngữ Abhidharma, tức Luận tạng, cũng đọc là A-tì-đạt-ma.

<sup>48</sup> Ma phiền-não, Ma ám, Ma chết, Thiên ma: đó là bốn loại Ma.

1. Phiền não ma: Do tham, sân, si sanh khởi, làm não hại thân và tâm.

2. Ám ma (năm ám, hay năm uẩn): bao gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hợp lại thành thân tâm chúng sanh, là nguyên nhân của vô số khổ não.

3. Tử ma: Sự chết làm dứt mạng căn chúng sanh, là trở ngại không ai vượt qua được.

4. Thiên ma: do vị Tha hóa tự tại thiên (Ma vương) làm chủ, tìm mọi cách để ngăn cản, gây trở ngại cho sự tu tập, hành trì.

<sup>49</sup> Thời tiết ở Ấn Độ chỉ có 3 mùa như được trình bày ở đây.

<sup>50</sup> Tuần trăng tối (hắc nguyệt): Từ ngày mười sáu đến cuối tháng, trăng ngày càng tối hơn. Ngược lại, tuần trăng sáng (bạch nguyệt) là từ mùng một đến ngày rằm, trăng ngày càng sáng hơn.

<sup>51</sup> Phật Bích-chi, cũng đọc là Bích-chi-ca, dịch nghĩa là Duyên giác, Độc giác. Phật Bích-chi là vị sanh ra nhằm lúc không có Phật ra đời, nhờ quán xét 12 nhân duyên mà được giác ngộ, nên gọi là Duyên giác. Vì tự mình tu học vào thời không có Phật, đạt được giải thoát và nhập Niết-bàn nên gọi là Độc giác.

<sup>52</sup> Nghiệp ác vô gián: những nghiệp ác rất nặng nề, phải đọa vào địa ngục Vô gián, nghĩa là phải chịu đựng những hình phạt khổ não không lúc nào gián đoạn.

<sup>53</sup> Lấy ý trong ví dụ trước đây, ngày mùa hạ rất dài, ví như đời sống vô lượng của chư Phật.

<sup>54</sup> Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu phẩm Bồ Tát thứ 16 (Bồ Tát phẩm đệ thập lục). Bản Đại Bát Nê-hoàn kinh đến đây dứt phẩm thứ 16 (quyển 5), bắt đầu quyển 6, phẩm Văn Bồ Tát thứ 17 nhưng có một đoạn ngắn nội dung không thấy trong bản dịch của ngài Đàm-vô-sám.



---

<sup>55</sup> Tứ y: Xem lại quyển 6, phẩm 4, phần 3. Đó là: 1. Y theo pháp, chẳng y theo người. 2. Y theo nghĩa, chẳng y theo lời. 3. Y theo trí, chẳng y theo thức. 4. Y theo kinh liễu nghĩa, chẳng y theo kinh bất liễu nghĩa.

<sup>56</sup> Ba đường dữ (Tam ác đạo, hay Tam ác thú): Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Đó là ba cảnh giới mà những chúng sanh tạo nhiều nghiệp ác phải thọ sanh vào, chịu nhiều khổ não.

<sup>57</sup> Các mối trói buộc (chư kết): Vì các phiền não trói buộc thân tâm cho nên gọi là các mối trói buộc.

<sup>58</sup> A-lan-nhã, a-luyện-nhã, dịch nghĩa: không nhàn, nhàn cư. Tiếng dưng để chỉ đến những nơi trống vắng như mồ mã, đồng hoang, rừng vắng, núi cao... nơi mà những bậc xuất gia tu hành quyết chí đi đến để tập trung tu tập thiền định tịch tĩnh, tránh xa mọi sự tranh chấp. Ngoài cách dùng a-lan-nhã xứ để chỉ những nơi như thế, còn dùng pháp a-lan-nhã và hạnh a-lan-nhã để chỉ pháp tu và công hạnh của những vị này.

<sup>59</sup> Ma-ni (Mani), dịch nghĩa là ly cấu (lìa khỏi sự dơ nhớp), là như ý (theo đúng như ý muốn). Hạt châu ma-ni là loại châu báu quý nhất, được tin là có thể làm cho người chủ sở hữu nó muốn gì cũng được như ý, nên gọi là như ý châu.

<sup>60</sup> Ưu-bát-la, bát-đầu-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-ly: Bốn loại hoa sen màu sắc khác nhau. Ưu-bát-la là hoa sen xanh, bát-đầu-ma là hoa sen hồng, câu-vật-đầu là hoa sen vàng, phân đà ly là hoa sen trắng.

<sup>61</sup> Pháp khí: Căn khí của người có thể chân hưng đạo Phật, nhận lấy pháp tạng để truyền bá cho đời, ví như cái bát (khí) đựng cơm của vị tỳ-kheo. Bậc pháp khí là người có khả năng thọ nhận và rộng truyền các pháp môn của Phật.

<sup>62</sup> Nguyên bản dùng tất tử (nhất định phải chết). Theo Nam bản thì chỗ này dùng cách phiên âm Phạn ngữ là a-tát-xà. Huyền ứng âm nghĩa quyển 3 giải thích rằng từ này chỉ những bệnh không thể trị được (bất khả trị bệnh).

<sup>63</sup> Tám thứ bệnh nhiệt tức là tám nỗi khổ của chúng sanh (Bát khổ), bao gồm: sanh, lão, bệnh, tử, xa người yêu mến, gần kẻ oán thù, mong cầu chẳng được, năm ám chẳng điều hòa.

<sup>64</sup> Phi nhân: Chẳng phải người, loài chúng sanh không có thân xác như người.

<sup>65</sup> Thuyền sư: người chỉ huy con tàu trên biển, như thuyền trưởng ngày nay.

<sup>66</sup> Tiên-đà-bà: phiên âm từ Phạn ngữ saindhava, nghĩa thường dùng là thạch diêm (muối), nhưng theo đoạn này thì gồm đủ bốn nghĩa là diêm, khí, thủy, mã (muối, bát đựng, nước, ngựa). Các bản luận giải thường trích dẫn ví dụ này với tên là nhất danh tứ thật (một tên bốn nghĩa).

<sup>67</sup> Đó là các lẽ vô thường, khổ, vô ngã và không.

<sup>68</sup> Ở đây muốn nhấn mạnh ý nghĩa là tính dục không bao giờ có thể thỏa mãn hoàn toàn. Bởi vì sự thỏa mãn tính dục cũng chính là nguyên nhân làm sanh khởi tính dục ở mức độ cao hơn, và vòng lẩn quẩn như thế sẽ mãi mãi tồn tại, phát triển, trừ khi người tu có thể đoạn trừ tận gốc rễ của tính dục. Trong nhiều kinh điển khác, đức Phật thường đưa ra ví dụ người khát uống nước muối, càng uống lại càng khát nhiều hơn nữa.

---

<sup>69</sup> Theo cách phân biệt như nêu trong đoạn này thì sự khác biệt giữa hình tượng nam nữ không còn quan trọng nữa, cũng không có ý nghĩa gì trong sự xác định năng lực giải thoát của một người.

<sup>70</sup> Nước Kế Tân, cũng phiên âm là Kiên-đà-la, là một nước thuộc Ấn Độ thời cổ, nằm ở phía bắc lưu vực Ngũ Hà, vùng hạ du sông Kabul, thuộc tây bắc Ấn Độ ngày nay.

<sup>71</sup> Ba đời (Tam thế), tức là quá khứ, hiện tại và vị lai.

<sup>72</sup> Sữa, kem sữa, bơ, đê-hồ... là các món ăn lần lượt được chế biến từ sữa bò, trong đó đê-hồ là món tinh khiết nhất, ngon và quý nhất.